Ngày soạn: **BÀI 8: NÉT ĐẸP VĂN HOÁ VIỆT**

Ngày dạy: **(Văn bản thông tin)**

Thời gian thực hiện: 16 tiết

**I. MỤC TIÊU**

**1. Năng lực**

- Nhận biết được đặc điểm văn bản giới thiệu một quy tắc hoặc luật lệ trong trò chơi hay hoạt động, chỉ ra được mối quan hệ giữa đặc điểm văn bản với mục đích của nó; nhận biết được cách triển khai các ý tưởng và thông tin trong văn bản.

- Nhận biết được thông tin cơ bản của văn bản, biết được tác dụng biểu đạt của một kiểu phương tiện phi ngôn ngữ trong văn bản in hoặc văn bản điện tử.

- Nhận biết được đặc điểm và chức năng của số từ. Viết được văn bản tường trình rõ ràng, đầy đủ, đúng quy cách.

- Giao tiếp và hợp tác: Kỹ năng giao tiếp và hợp tác nhóm với các thành viên khác.

- Tự chủ và tự học, biết thu thập thông tin và giải quyết vấn đề được đặt ra.

**2. Phẩm chất**

- Trung thực khi tham gia các hoạt động.Trao đổi một cách xây dựng, tôn trọng các ý kiến khác biệt.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Thiết bị dạy học**

- Sách giáo khoa, Sách giáo viên

- Máy chiếu, máy tính

- Giấy A1 hoặc bảng phụ

- Phiếu học tập.

**2. Học liệu**

- Tri thức ngữ văn

- Một số video, hình ảnh liên quan đến nội dung bài học

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC:**

**A. DẠY ĐỌC HIỂU**

**TRI THỨC NGỮ VĂN**

**Tiết 98,99: Văn bản 1: TRÒ CHƠI CƯỚP CỜ** ( Theo Nguyễn Thị Thanh Thủy)

**1. Hoạt động 1: Mở đầu**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Sản phẩm dự kiến** |
| \*GV chuyển giao nhiệm vụ học tập:  - HS theo dõi hình ảnh, hoạt động cá nhân và trả lời câu hỏi  GV theo dõi, quan sát HS  \* Sản phẩm dự kiến: Cảm xúc của HS:  \* Thực hiện nhiệm vụ.  + Tạo không khí vui vẻ, thi đua, tính tập thể, tinh thần đoàn kết khi chơi.  + Nhớ lại ký ức tuổi thơ ...  \* Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận  - Yêu cầu HS trình bày ý kiến cá nhân  \* Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ  **- GV nhận xét câu trả lời; chốt kiến thức, chuyển dẫn vào chủ đề bài học.**  *Mỗi dân tộc đều có những nét đẹp văn hoá riêng, thể hiện qua ngôn ngữ, trang phục, trò chơi, cách bài trí nhà cửa, chế biến món ăn, thưởng trà, chơi hoa,... Tất cả đều là những di sản văn hoá mà cha ông để lại. Những nét văn hoá ấy chảy trong huyết quản của chúng ta và được lưu truyền từ đời này qua đời khác.*  *Những văn bản thông tin trong bài học này sẽ giúp em nhận ra vẻ đẹp của những trò chơi dân gian, cách chơi hoa trong ngày Tết cổ truyền. Từ đó góp phần gìn giữ, lưu truyền và lan toả những vẻ đẹp của văn hoá dân tộc* | C:\Users\Admin\Desktop\CUOP CO.png |

**\* Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **I. Tìm hiểu chung**  **GV: Chuyển giao nhiệm vụ**  (1)- *GV giao các câu hỏi chuẩn bị bài trước ở nhà cho các nhóm theo phiếu học tập sau:*    *(2)* GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi trong PHT để củng cố hệ thống tri thức đọc hiểu.  Câu 1: Văn bản thông tin giới thiệu một quy tắc hoặc luật lệ trong trò chơi hay hoạt động, em có nhận xét gì về cấu trúc ?  **Về cấu trúc**, loại văn bản này thường có 3 phần:  **Phần 1:** *Giới thịêu mục đích của quy trình thực hiện trò chơi hay hoạt động bằng một đoạn văn hoặc nhan đề bài viết (tên quy trình) (Vi dụ:* Cách đọc sách hiệu quả,...).  **Phần 2*:*** *Liệt kê những si cần chuẩn bị trước khi thực hiện trò chơi hay hoạt động.*  **Phần 3***: Trình bày các bước cần thực hiện. Đối với trò chơi, đó là quy tắc, luật lệ, hướng dẫn cách chơi; đối với các hoạt động khác đó là thứ tự các bước thực hiện hoạt động.*  Một số văn bản có thể có thêm phần giải thích sự cần thiết của mỗi bước thực hiện  Câu 2: Văn bản thông tin giới thiệu một quy tắc hoặc luật lệ trong trò chơi hay hoạt động, em có nhận xét gì về đặc điểm hình thức ?  Về **đặc điểm hình thức**: loại văn bản này thường sử dụng các con số (1, 2, 3,...), từ ngữ chi thời gian (đầu tiên, tiếp theo, sau cùng,...) hoặc số từ chỉ số lượng chính xác (hai, ba,...) để giới thiệu trình tự thực hiện; từ ngữ miêu tả chi tiết cách thức hành động và một số thuật ngữ liên quan; sử dụng câu chứa nhiều động từ, câu khiến để chi hành động hoặc yêu cầu thực hiện; dùng hình ảnh minh hoạ, sơ đồ chi dẫn, đề mục để tóm tắt thông tin chính; từ xưng hô ngôi thứ hai (ví dụ. bạn,..) để chỉ người đọc.  Câu 3: Cách triển khai ý tưởng và thông tin trong văn bản thông tin như thế nào ?  Văn bản thông tin cỏ thể triển khai ý tưởng và thông tin theo một số cách sau: theo trật tự thời gian (trình bày thông tin theo thứ tự xuất hiện của sự vật, hiện tượng hay hoạt động); theo quan hệ nhân qủa (trình bày thông tin theo quan hệ ý nghĩa nhân quả bằng một số từ ngữ như: lí do (của)..., nguyên nhân (của)..., vì, nên, do đó,...)', theo mức độ quan trọng của thông tin (thông tin chính được ưu tiên trình bày trước hoặc được làm nổi bật bằng cách in đậm, tô màu, gạch dưới hoặc lặp đi lặp lại,...).  Khi viết, người viết có thể kết hợp nhiều cách triển khai ý tưởng và thông tin, nhưng thường chọn một cách triển khai chính để làm nổi bật thông tin. Trong văn bản thông tin giới thiệu một quy tắc hoặc luật lệ trong trò chơi hay hoạt động, người viết thường chọn cách triển khai ý tưởng và thông tin theo trật tự thời gian để làm rõ quy tắc hoặc luật lệ của trò chơi qua việc hình bày thứ tự các bước cần thực hiện  **HS: Thực hiện nhiệm vụ.**  Nhiệm vụ 1: Hs trình bày theo nhóm.  Nhiệm vụ 2: Hs trả lời cá nhân.  - GV theo dõi, quan sát HS  **\* Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + HS trình bày sản phẩm thảo luận  + HS đặt câu hỏi phản biện.  **\* Nhận xét, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức .  Gv nhấn mạnh những đặc điểm của thể loại văn bản : .... | **I. Tìm hiểu chung**  1. Văn bản thông tin giới thiệu một quy tắc hoặc luật lệ trong trò chơi hay hoạt động:   * **Về cấu trúc:** loại văn bản này thường có 3 phần:   - Về **đặc điểm hình thức**: loại văn bản này thường sử dụng các con số (1, 2, 3,...), từ ngữ chi thời gian (đầu tiên, tiếp theo, sau cùng,...) hoặc số từ chỉ số lượng chính xác (hai, ba,...) để giới thiệu trình tự thực hiện; từ ngữ miêu tả chi tiết cách thức hành động và một số thuật ngữ liên quan; sử dụng câu chứa nhiều động từ, câu khiến để chi hành động hoặc yêu cầu thực hiện; dùng hình ảnh minh hoạ, sơ đồ chi dẫn, đề mục để tóm tắt thông tin chính; từ xưng hô ngôi thứ hai (ví dụ. bạn,..) để chỉ người đọc.  2. Cách triển khai ý tưởng và thông tin trong văn bản thông tin .  Theo trật tự thời gian ; theo quan hệ nhân qủa ; theo mức độ quan trọng của thông tin ...  Khi viết, người viết có thể kết hợp nhiều cách triển khai ý tưởng và thông tin, nhưng thường chọn một cách triển khai chính để làm nổi bật thông tin. |

**II. Đọc- hiểu văn bản**

|  |  |
| --- | --- |
| **1.Chuẩn bị đọc.**  **\* GV chuyển giao nhiệm vụ**  Quan sát nhan đề và hình ảnh minh hoạ của văn bản, hình dung về cách chơi của trò cuớp cờ. Chia sẻ với bạn về sự hình dung ấy của em.  C:\Users\Admin\Desktop\anh 3.png  **\* HS thực hiện nhiệm vụ học tập:**  HS hoạt động cá nhân: theo dõi SGK, quan sát ảnh SGK, chia sẻ với bạn về trò chơi cướp cờ.  **\* Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  GV mời 1 – 2 HS trả lời cá nhân  **\* Nhận xét, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  - Gv ghi nhận những câu trả lời thể hiện cảm nhận của các em .…  -GV nhận xét câu trả lời của học sinh. Dựa trên kết quả trình bày của các em để hướng dẫn học sinh cách chơi cướp cờ, lưu ý khi chơi...  **2. Đọc văn bản**  **\* GV chuyển giao nhiệm vụ**  - GV hướng dẫn HS đọc trực tiếp văn bản  - Trong mục c, Hướng dẫn cách chơi, em hãy tìm từ ngữ chỉ trình tự thời gian ?  ***GV có thể dùng kĩ thuật nói to suy nghĩ của mình để làm mẫu kĩ năng tưởng tượng. Ví dụ: “Cách ghi điểm trò chơi Cướp cờ ?”***  **\* HS thực hiện nhiệm vụ học tập:**  - HS đọc và lắng nghe văn bản theo hướng dẫn đọc  **\* Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  *- HS hoạt động cá nhân*  **\* Nhận xét, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  [-GV nhận xét](https://blogtailieu.com/) góp ý cho cách đọc của HS: mức độ đ[ọc trôi chảy, độ to, rõ; sư](https://blogtailieu.com/) [phù hợp của tốc độ đọc, cá](https://blogtailieu.com/)ch ngăt nghi khi đọc.  **3. Suy ngẫm và phản hồi**  **\* GV chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu hoàn thành các phiếu học tập số 1,2,3,4,5.  C:\Users\Admin\Desktop\HINH 2.png  GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi:1,2,3,4,5  **\*Sản phẩm dự kiến:**  **Nhóm 1.**  **Câu 1:** Tìm trong văn bản trên những thông tin về luật chơi của trò chơi cướp cờ.  *-Người chơi chỉ đuợc lên cướp cờ khi trọng tài gọi đúng s*[*ố thứ tự của mình.*](https://blogtailieu.com/)[*Chi được đập (vỗ)*](https://blogtailieu.com/) *nhẹ lên người chơi đối phương khi họ cầm cờ*  *-*[*Khi người chơi đã*](https://blogtailieu.com/) *cầm cờ chạy qua được vạch của đội m*[*ình thì người chơi của đội*](https://blogtailieu.com/)[*kia không được đập vào*](https://blogtailieu.com/) *ngươi bạn chơi nữa.*  [*-Trọng tài có thể gọ*](https://blogtailieu.com/)*i nhiều cặp đôi của hai đội cùng lên c*[*ướp cờ.*](https://blogtailieu.com/)  *Kết thúc cuộc chơi, đội nào được nhiều điểm hơn thì thắ*[*ng cuộc .Phần thưởng cho*](https://blogtailieu.com/)[*đội thắng có thể là hiện v*](https://blogtailieu.com/)*ât hoặc được đội thua cõng một vòng* [*quanh sân.*](https://blogtailieu.com/)  **Nhóm 2.**  **Câu 2:** Theo em, để ghi được điểm trong trò chơi này, đội chơi phải làm gì?  *Để ghi được điểm trong*  [*chơi này, đội chơi ph*](https://blogtailieu.com/)*ải chạy lên lừa lấy được cờ từ giữa sân* [*sau tiếng hô của trọng tài*](https://blogtailieu.com/)[*và chạy về đến vạch của*](https://blogtailieu.com/) *đội mình với cây cờ trên tay mà không* [*bị bạn chơi ngăn cản hoặc*](https://blogtailieu.com/)[*đập (vỗ) nhẹ lên người.*](https://blogtailieu.com/)  **Nhóm 3.**  **Câu 3:** Mục đích của văn bản Trò chơi cướp cờ là gì? Những đặc điểm nào của văn bản giúp em nhận ra mục đích ấy?  [*a. Muc đích của VB*](https://blogtailieu.com/)*: Giới thiệu về cách thức thực hiện trò* [*chơi cướp cờ*](https://blogtailieu.com/)  [*b. Các đặc điểm sau củ*](https://blogtailieu.com/)*a VB đã góp phần thực hiện được mụ*[*c đích đó*](https://blogtailieu.com/)  *-Về cầu trúc: gồm 3 phần: (a) Giới thiệu mục đích của quy* [*trình; (b) Liệt kê những*](https://blogtailieu.com/)[*thứ cần chuẩn bị trước khi*](https://blogtailieu.com/) *chơi; (c) Trình bày cách chơi.*  *-*[*Về từ ngữ : sử dụng n*](https://blogtailieu.com/)*hững từ ngữ chi thời gian như. đầu ti*[*ên, tiếp theo,*](https://blogtailieu.com/)  *-*[*Về loại từ : câu sử dụ*](https://blogtailieu.com/)*ng nhiều động từ.*  *-*[*Về đề mục: sử dụng*](https://blogtailieu.com/) *đề mục để tóm tắt những thông tin chí*[*nh của VB như a. Mục*](https://blogtailieu.com/)[*đích, b. chuẩn bị, c. Hướ*](https://blogtailieu.com/)*ng dẫn cách chơi.*  [*-Về phương tiện giao*](https://blogtailieu.com/) *tiếp phi ngôn ngữ. sử dụng hình ảnh* [*minh hoạ cách chơi.*](https://blogtailieu.com/)  **Nhóm 4.**  **Câu 4:** Thông tin trong văn bản Trò chơi cướp cờ được triển khai theo cách nào? Dựa vào đâu mà em xác định được? Cách triển khai thông tin ấy có tác dựng gi trong việc thực hiện mục đích của văn bản?  *VB Trò chơi cướp cờ chủ yếu triển k*[*hai thông tin theo trật tự*](https://blogtailieu.com/)[*thời gian bởi vì tác giả đã m*](https://blogtailieu.com/)*ô tả rõ những việc cần chuẩn bi trước khi chơi, trình tự các bước* [*chơi được mô tả bằng nhữn*](https://blogtailieu.com/)*g từ ngữ như đầu tiên, tiếp theo, sau* [*đó, kết thúc, Cách hiển*](https://blogtailieu.com/) *khai thông tin như vậy gíup người đọc hình dung được các bước c*[*ần thực luận của trò chơi*](https://blogtailieu.com/)  **Nhóm 5.**  **Câu 5:** Hình vẽ trò chơi trong văn bản có tác dụng như thế nào đối với việc trình bày thông tin của văn bản?  *Hình vẽ trò chơi trong VB* [*làm cho thông tin được*](https://blogtailieu.com/)[*rõ ràng, giúp người đọc dễ*](https://blogtailieu.com/) *nhận biết cách chơi.*  **\* HS thực hiện nhiệm vụ học tập:**  - HS hoạt động nhóm, đại diện nhóm trả lời .  **\* Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  *-* GV yêu cầu HS các nhóm trình bày phiếu học tập của mình  **\* Nhận xét, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức | **1. Chuẩn bị đọc:**  Tùy theo cảm nhận của HS:  +Cách chơi cướp cờ, lưu ý khi chơi...  **2. Đọc văn bản :**  -Từ ngữ chỉ trình tự thời gian : *Đầu tiên, tiếp theo, sau đó, kết thúc*  **3. Suy ngẫm và phản hồi:**  **a. Mục đích và đặc điểm của văn bản Trò chơi cướp cờ.**  **a1.**[**Mục đích của VB**](https://blogtailieu.com/)**:** Giới thiệu về cách thức thực hiện trò [chơi cướp cờ](https://blogtailieu.com/)**. a2. Các đặc điểm** :  -**Về cầu trúc**: gồm 3 phần: (a) Giới thiệu mục đích của quy [trình; (b) Liệt kê những](https://blogtailieu.com/) [thứ cần chuẩn bị trước khi](https://blogtailieu.com/) chơi; (c) Trình bày cách chơi.  -[**Về từ ngữ** : sử dụng n](https://blogtailieu.com/)hững từ ngữ chi thời gian như. *đầu ti*[*ên, tiếp theo,*](https://blogtailieu.com/)  -[**Về loại từ** : câu sử dụ](https://blogtailieu.com/)ng nhiều động từ.  -[**Về đề mục**: sử dụng](https://blogtailieu.com/) đề mục để tóm tắt những thông tin chí[nh của VB như a. Mục](https://blogtailieu.com/) [đích, b. chuẩn bị, c. Hướ](https://blogtailieu.com/)ng dẫn cách chơi.  [**-Về phương tiện giao**](https://blogtailieu.com/) **tiếp phi ngôn ngữ:** Sử dụng hình ảnh minh hoạ cách chơi.  **b.Cách triển khai văn bản thông tin:**  VB *Trò chơi cướp cờ* chủ yếu triển k[hai thông tin theo trật tự](https://blogtailieu.com/) thời gian : *đầu tiên*, *tiếp theo*, *sau đó*, *kết thúc*, |

**\* Hoạt động 3:Luyện tập**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **\* GV chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu hoàn thành phiếu học .  Câu hỏi: **-** Trình bày những lưu ý khi đọc văn bản thông tin giới thiệu một quy tắc hoặc luật lệ trong trò chơi ?  GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi trên .  **\* HS thực hiện nhiệm vụ học tập:**  - HS hoạt động trả lời cá nhân .  **\*Dự kiến sản phẩm:**  - Chú ý những từ ngữ chỉ trình tự các hoạt động.  - Khi đọc, cần xem văn bản đã được trình bày theo cấu trúc rõ ràng, các đề mục kết hợp hiệu quả phương tiện ngôn ngữ với phương tiện phi ngôn ngữ hay chưa.  - Việc sử dụng các từ ngữ miêu tả, hình ảnh minh họa đã hợp lí hay chưa.  - Cách triển khai trong văn bản như thế nào? Đã thể hiện được mối quan hệ với mục đích văn bản chưa?  **\* Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  **\* Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  GV yêu cầu HS trình bày phiếu học tập của mình  **\* Nhận xét, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  GV nhận xét, chốt kiến thức | **III. Luyện tập**  **-** HS trình bày:  - Chú ý những từ ngữ chỉ trình tự các hoạt động.  - Khi đọc, cần xem văn bản đã được trình bày theo cấu trúc rõ ràng, các đề mục kết hợp hiệu quả phương tiện ngôn ngữ với phương tiện phi ngôn ngữ hay chưa.  - Việc sử dụng các từ ngữ miêu tả, hình ảnh minh họa đã hợp lí hay chưa.  - Cách triển khai trong văn bản như thế nào? Đã thể hiện được mối quan hệ với mục đích văn bản chưa? |

**\* Hoạt động 4: Vận dụng**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **\* GV chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu hoàn thành phiếu học .  *Viết một đoạn văn (khoảng 100 chữ) nêu một vài ưu điểm cửa trò chơi dân gian (cướp cờ) so với trò chơi có sử dụng các thiết bị công nghệ.*  **\* HS thực hiện nhiệm vụ học tập:**  *- HS tiếp nhận nhiệm vụ, về nhà hoàn thành BT, GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức bài học.*  **\* Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  *-* GV yêu cầu HS gửi sản phẩm  **\* Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  *- GV nhận xét, đánh giá, ....* | Viết một đoạn văn (khoảng 100 chữ) nêu một vài ưu điểm cửa trò chơi dân gian (cướp cờ) so với trò chơi có sử dụng các thiết bị công nghệ. |

**\* Hướng dẫn tự học:**

**- Bài vừa học:**

- Tìm đọc những văn bản thông tin giới thiệu một quy tắc hoặc luật lệ trong trò chơi hay hoạt động.

- Học bài, hoàn thiện sản phẩm GV đã chuyển giao nhiệm vụ.

**- Bài sắp học:** **Tiết 97: Văn bản 2: Cách gọt củ hoa thuỷ tiên.**

- Đọc, soạn các câu hỏi sgk/47,48…

**Ngày soạn:**

**Ngày dạy:**

**Tiết 100,101**

**Văn bản 2: CÁCH GỌT CỦ HOA THUỶ TIÊN**

**(** Theo Giang Nam )

**\* Hoạt động 1: Mở đầu**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **GV: Chuyển giao nhiệm vụ**  **Yêu cầu học sinh suy nghĩ và trả lời câu hỏi chuẩn bị đọc**  *- Khi quan sát một ai đó tí mần chăm sóc mọt nhành hoa hay một chậu cây, em có suy nghĩ như thế nào về họ? Hãy chia sẻ với bạn về điểu ấy.*  *- Dựa vào nhan đề, hình ảnh minh hoạ và đọc lướt toàn văn bản, em dự đoán văn bản này sẽ viết về việc gì?*  **HS: Thực hiện nhiệm vụ.**  - HS thực hiện suy nghĩ trả lời  **\* Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - Yêu cầu HS trình bày ý kiến cá nhân  **\* Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét và gợi dẫn vào bài học. | (Câu trả lời của học sinh)  - *Khi quan sát một ai đó tỉ mẩn chăm sóc một nhành hoa hay một chậu cây, em thấy họ cẩn thận, chăm chút từng tí một cho các nhanh hoa.*  ***-*** *Dựa vào nhan đề, hình ảnh minh họa và đọc lướt toàn văn bản, em dự đoán văn bản này sẽ viết về hướng dẫn cách gọt hoa thủy tiên.* |

**\* Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **SẢN PHẨM DỰ KIẾN** |
| **I.Tìm hiểu chung** |  |
| **GV: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV hướng dẫn HS đọc văn bản.  Nhiệm vụ 1: Yêu cầu học sinh tự đọc thầm văn bản và vận dụng kĩ năng suy luận và tưởng tưởng để trả lời các câu hỏi.  - Nhiệm vụ 2: Gọi 1- 2 học sinh đọc to trước lớp và chia sẻ phần kết quả đọc  **HS: Thực hiện nhiệm vụ.**  - HS thực hiện nhiệm vụ học tập theo yêu cầu của giáo viên  **\* Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  *- 1- 2 học sinh đọc to trước lớp và chia sẻ phần trả lời câu hỏi.*  **\* Nhận xét, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV sửa lại cách đọc cho HS ( nếu HS đọc chưa đúng).  - Nhận xét về thái độ học tập và sản phẩm của HS  - Chốt kiến thức và chuyển ý sang mục sau | **1. Đọc**  **2. Xuất xứ:** Tác giả Giang Nam  **3. Thể loại:** văn bản thông tin  **4. Phương thức biểu đạt:** thuyết minh |

|  |  |
| --- | --- |
| **II. Tìm hiểu chi tiết** |  |
| **1. Đặc điểm văn bản thông tin và cách gọt củ hoa thủy tiên**  **GV: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV có thể hướng dẫn HS Đọc lại tri thức Ngữ văn, dùng những hiểu biết về đặc điểm của VB thông tin gioi thiêu môt quy tắc hoặc luật lệ trong trò chơi hay hoạt động để quan sát các dấu hiệu hình thức của VB và yêu cầu HS hoàn thành phiếu học tập sau:   |  |  | | --- | --- | | **Đặc điểm văn bản thông tin** | | | 1.Mục đích | ……………………………………. | | 2.Cấu trúc văn bản: | ……………………………………. | | 3.Về đặc điểm hình thức | ……………………………………. |   **HS: Thực hiện nhiệm vụ.**  - HS hoạt động nhóm, đại diện nhóm trả lời .  **\* Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  GV yêu cầu HS các nhóm trình bày phiếu học tập của mình  **\*Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức  **2. Các triển khai thông tin trong văn bản**  **GV: Chuyển giao nhiệm vụ**  **- Giáo viên yêu cầu hs trả lời câu hỏi:**  **Xác định thông tin cơ bản vá cách triển khai thông tin trong đoạn văn***: “Phải chăm chú quan sát, theo dõi cách nghệ nhân Nguyễn Phú Cường,... Đấy là vì, nếu không “tác động” sớm, từ trước khi những* *cái mầm nhú lên, thì tất cả lá, giò hoa, đều lên thẳng đuỗn như những mớ hành” Theo em, vì sao tác giả chọn cách triển khai thông tin như vậy ở đoạn văn này?*  **HS: Thực hiện nhiệm vụ.**  - HS hoạt động nhóm, đại diện nhóm trả lời .  **\* Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  *-* GV yêu cầu HS các nhóm trình bày phiếu học tập của mình  **\* Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức  **3. Yếu tố phi ngôn ngữ và tác dụng yếu tố phi ngôn ngữ trong văn bản**  **GV: Chuyển giao nhiệm vụ**  Gv yêu cầu học sinh trả lời câu hỏi  - Loại phương tiện phi ngôn ngữ được sử dụng trong văn bản này là gi? Chỉ ra tác dụng của chúng đối với việc thể hiện nội dung văn bản.  **HS: Thực hiện nhiệm vụ.**  - HS hoạt động trả lời cá nhân .  **\* Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  *-* GV yêu cầu HS trình bày kết quả học tập.  **\* Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  GV nhận xét, chốt kiến thức  **4. Sơ đồ tóm tắt các bước gọt tỉa củ hoa thuỷ tiên**  **GV:** **Chuyển giao nhiệm vụ**  **Yêu cầu học sinh:**  Vẽ sơ đồ tóm tắt các bước gọt tỉa củ hoa thuỷ tiên.  **HS: Thực hiện nhiệm vụ.**  - HS hoạt động trả lời cá nhân .  **\*Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  GV yêu cầu HS trình bày phiếu học tập của mình  **\* Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  GV nhận xét, chốt kiến thức | **1. Đặc điểm văn bản thông tin và cách gọt củ hoa thủy tiên**  **- Câu trả lời phiếu ht số 1**   |  |  | | --- | --- | | **Đặc điểm văn bản thông tin** | | | 1.Mục đích | ………… | | 2.Cấu trúc văn bản: | …………… | | 3.Về đặc điểm hình thức | …………… |   **2. Cách triển khai thông tin trong văn bản**  - [Thông tin cơ bản c](https://blogtailieu.com/)ủa đoạn văn là miêu tả cách thức gọt tỉ[a củ hoa thuỷ tiên, cách](https://blogtailieu.com/) triển khai thông tin của đoạn văn này là sự kết hợp giữa cách tri[ển khai theo trật tự thời](https://blogtailieu.com/) [gian và theo mối quan hệ n](https://blogtailieu.com/)hân quả  [+ Việc triển khai thông](https://blogtailieu.com/) tin theo trình tự thời gian được thể hi[ện qua cách miêu tả thứ](https://blogtailieu.com/) [tự thực hiện các thao tác n](https://blogtailieu.com/)hư bóc vỏ củ và bao mầm, gọt bẹ củ, xén lá, cạo cuồng hoa,  [+ Việc triển khai thông](https://blogtailieu.com/) tin theo mối quan hệ nhân qủa được th[ể hiện qua cách tác giả lí](https://blogtailieu.com/) giải lí do của việc “phải gọt khi lá, giò hoa mới là những mầm vần [đang ngủ yên trong củ”](https://blogtailieu.com/)  **3. Yếu tố phi ngôn ngữ và tác dụng yếu tố phi ngôn ngữ trong văn bản :**  - [Loại phương tiện phi](https://blogtailieu.com/) ngôn ngữ được sử dụng trong VB này [là](https://blogtailieu.com/) các hình ảnh minh hoạ  - [Tác dụng: tăng tính trực](https://blogtailieu.com/) quan cho thông tin của VB, kết hợp với [thông tin trong VB, giúp](https://blogtailieu.com/) người đọc hình dung rõ về các bước cần thực hiện trong hoạt [động gọt củ hoa thuỷ tiên,](https://blogtailieu.com/) [góp phần tạo hứng thú c](https://blogtailieu.com/)ho người đọc  **4. Sơ đồ tóm tắt các bước gọt tỉa củ hoa thuỷ tiên**  Soạn bài 8 Đọc Cách gọt củ hoa thủy tiên |

**\* Hoạt động 3: Luyện tập**

**a) Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức của bài học vào việc làm bài tập cụ thể.

**b) Nội dung:** HS hoạt động cá nhân làm bài tập của GV giao.

**c) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Sản phẩm dự kiến** |
| Giáo viên giao bài tập cho HS  **\* HS thực hiện nhiệm vụ học tập:**  **GV:** Chiếu bài tập  **HS:** Đọc yêu cầu của bài  **\* Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV yêu cầu HS trình bày kết quả bài tập của mình.  - HS trả lời, các em còn lại theo dõi, nhận xét, đánh giá và bổ sung cho bài của bạn (nếu cần).  **\* Nhận xét, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  GV đánh giá bài làm của HS bằng điểm số - GV yêu cầu HS trình bày kết quả bài tập của mình.  - HS trả lời, các em còn lại theo dõi, nhận xét, đánh giá và bổ sung cho bài của bạn (nếu cần).  **\* Nhận xét, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  GV đánh giá bài làm của HS bằng điểm số | Bài tập đã hoàn thành của hs |

**\* Hoạt động 4: Vận dụng**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **GV: Chuyển giao nhiệm vụ**  *Hãy tưởng tượng em là người gọt được bát hoa thủy tiên đẹp. Khi được gắm thành quả của mình, em có cảm xúc như thế nào? Viết một đoạn văn khoảng 5 - 7 câu thể hiện cảm xúc của em.*  **HS: Thực hiện nhiệm vụ.**  *- HS tiếp nhận nhiệm vụ, về nhà hoàn thành BT, GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức bài học.*  **\* Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  *-* GV yêu cầu HS gửi sản phẩm lên Zalo của GV.  **\* Nhận xét, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  Nhận xét ý thức làm bài của HS (HS nộp bài không đúng qui định (nếu có) trên zalo nhóm lớp/môn… | **Phần trả lời của học sinh.**  *Sau khi đã chăm chút, gọt tỉa từ những củ hoa còn đang khô sần, xếp tròn ở một góc bàn để giờ đây nó đã trở thành một lọ hoa đẹp, tôi thật sự cảm thấy rất vui. Khi tự mình làm ra, chờ đợi thành quả để thành một lọ hoa đẹp như bây giờ, quả thật đó là một điều gì đó khá thú vị. Từ những ngày đầu bắt tay vào những công đoạn ngâm nước và gọt tỉa, tôi luôn mong rằng sản phẩm mình làm ra sẽ thành công, những bông hoa sẽ nở rộ đẹp nhất. Ngắm thành quả của mình, tôi mới thấy được những người nghệ nhân đã  thực sự kì công, tỉ mỉ đến mức nào. Thật là một thú vui tao nhã dành cho những người thưởng hoa, được ngắm những cánh trắng hé nở đầy duyên dáng mà còn mang mùi hương thanh khiết.* |

**\* Hướng dẫn tự học:**

**- Bài vừa học:**

- Nhận biết được vai trò của các chi tiết trong việc thể hiện thông tin cơ bản của văn bản

- Nắm được tác dụng của phương tiện phi ngôn ngữ.

- Nêu được tác dụng của các cước chú, tài liệu tham khảo

**- Bài sắp học:** **Văn bản 3: hương khúc**

**-Đọc và trả lời câu hỏi sgk/52,53…**

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

Ngày soạn : **Tiết 102:** **Đọc kết nối chủ điểm**

Ngày dạy: **Văn bản 3: hương khúc**

(**Nguyễn Quang Thiều**)

**\* Hoạt động 1: Mở đầu**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Sản phẩm dự kiến** |
| - **GV giao nhiệm vụ**  GV yêu cầu học sinh chia sẻ: *Có bạn nào đã ăn bánh khúc chưa? Hoặc bạn nào biết về cây rau khúc?*   * Gv chia sẻ hình ảnh cho các em xem.   **HS: Thực hiện nhiệm vụ**  - Hs suy nghĩ câu trả lời  **\* Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  - Hs đưa ra những cảm nhận , suy nghĩ cá nhân  **\* Nhận xét, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  - Gv nhận xét, đánh giá và dẫn dắt vào bài: | HS liệt kê được ưu điểm và hạn chế (cả về hình thức và tính cách) của bản thân. |

**\* Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới**

**a) Mục tiêu:** Hướng dẫn HS cách đọc và nắm được nội dung cơ bản của văn bản

**b) Nội dung:**HS đọc diễn cảm VB.

**c) Tổ chức thực hiện :**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | | | **Sản phẩm dự kiến** |
| **I. Tìm hiểu chung:** | | | |
| **GV:Chuyển giao nhiệm vụ:**  GV hướng dẫn HS cách đọc diễn cảm thể hiện được cảm xúc của bài về chiếc bánh khúc qua những kỉ niệm tuổi thơ.  GV hướng dẫn cách đọc & yêu cầu HS đọc. GV lưu ý HS hai chiến lược theo dõi và dự đoán. HS đọc xong, GV hướng dẫn HS tìm hiểu các từ khó SGK. Sau đó GV giao nhiệm vụ cho HS hoàn thành yêu cầu các câu hỏi:  a. Phát hiện các phương thức biểu đạt có trong văn bản.  b. Xác địnhthể loại  **HS thực hiện nhiệm vụ:** HS đọc theo nhóm, mỗi HS đọc một đoạn rồi chuyển HS khác.  **\* Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  HS đọc văn bản, nhận xét cách đọc.  **\*Nhận xét, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV kết luận, nhận xét phần hoạt động của HS và chuyển sang phần tiếp theo. | | Câu trả lời của HS, phần tổng hợp kết quả đúng của GV. | |
| **II. Đọc- hiểu văn bản:** | | | |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Sản phẩm dự kiến** | | |
| **Nhiệm vụ 1: Tìm hiểu hình ảnh chiếc bánh khúc tuổi thơ.**  **GV Chuyển giao nhiệm vụ:**  Gv yêu cầu hs trả lời câu hỏi: *Hình ảnh chiếc bánh khúc tuổi thơ được miêu tả qua những chi tiết nào*  **HS thực hiện nhiệm vụ:** HS chia sẻ cặp đôi bằng kĩ thuật lẩu băng chuyền  **\* Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**   * GV yêu cầu một cặp bất kì trình bày trước lớp   **\*Nhận xét, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  GV nhận xét, chốt kiến thức.  **Nhiệm vụ 2: Tìm hiểu tình cảm của tác giả.**  **GV Chuyển giao nhiệm vụ** :  GV yêu cầu HS chia sẻ về vấn đề: *Người viết đã bày tỏ tình cảm thái độ gì về món bánh khúc? Em có đồng cảm với những cảm xúc ấy không?*  **\*HS thực hiện nhiệm vụ::** HS chia sẻ cặp đôi bằng kĩ thuật lẩu băng chuyền  **\* Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  GV yêu cầu một cặp bất kì trình bày trước lớp  **\*Nhận xét, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  GV nhận xét, chốt kiến thức.  **Nhiệm vụ 3: Nét đẹp trong văn hóa ẩm thực Việt**  **GV Chuyển giao nhiệm vụ:**  *Từ văn bản “Hương khúc” em biết thêm điều gì về văn hóa ẩm thực dân tộc ta?*  **HS thực hiện nhiệm vụ:** HS chia sẻ cá nhân.  **\* Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  GV yêu cầu một cặp bất kì trình bày trước lớp  **\*Nhận xét, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  GV nhận xét, chốt kiến thức. | **1.Tìm hiểu hình ảnh chiếc bánh khúc tuổi thơ.**   * Từ cuối tháng 11, sáng tháng Giêng, tháng 2 thi rau khúc nở trắng đầy đồng. * Từ cách làm bánh tỉ mỉ đong đầy yêu thương của bà.   Từ sự háo hức trông ngóng của một đứa trẻ chờ đợi món quà tuổi thơ.  **2. Tình cảm của tác giả.**   * Được thể hiện trực tiếp và gián tiếp.   \***Trực tiếp:** *Mùi thơm ngậy của rau khúc đổ chín, mùi của gạo nếp, mùi của nhân đậu anh quyện với mùi hành mỡ tỏa ra và làm nên một thứ ẩm thực chứa đầy hạnh phúc lạ lùng trong tâm khảm tôi, một thứ hạnh phúc của ẩm thực nhưng thiêng liêng và da diết mơ hồ. Cho dù vẫn chỉ là bột sống nhưng hương vị của bánh khúc đã dâng lên làm tôi ứa đầy nước miếng. Những miếng mỡ thái hạt lựu béo ngậy đến mê người; Cái béo của mỡ lợn, cái bùi của đậu và vị ngọt ngào của bột nếp và hương rau khúc làm nên một món ăn dân dã ngon lạ thường.*  \***Gián tiếp**: *Thể hiện qua cách kể tỉ mỉ, chi tiết từng công đoạn làm bánh; cách lựa chọn từ ngữ miêu tả chiếc bánh, đặc biệt là những tính từ cực tả về tính chất như: thơm ngậy, béo ngậy, ngọt ngào, dân dã, nóng hổi...những biện pháp tu từ như: Tôi nâng chiếc bánh khúc lên như nâng một báu vật, một hạt xôi nếp đẹp như một hạt ngọc...*  **Tác giả có một tình yêu thiết tha với quê hương.**  **3. Nét đẹp trong văn hóa ẩm thực Việt**   * Món ăn được chế biến từ sản vật quê hương. * Chứa đựng sự tinh tế trong cách kết hợp nguyên liệu, gia vị * Chứa đựng dấu ấn của vẻ đẹp kí ức, tình yêu tha thiết dành cho quê hương gia đình | | |

**\* Hoạt động 3: Luyện tập**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **GV giao nhiệm vụ cho HS:**  GV yêu cầu HS trao đổi trình bày suy nghĩ của mình về vấn đề: *Qua 3 văn bản trên, em hãy viết môt đoạn văn trình bày suy nghĩ của mình về sự phong phú của bản sắc văn hóa Việt.*  - GV tổ chức cho HS hoạt động nhóm theo kỹ thuật khăn trải bàn (3p) để thực hiện nhiệm vụ.  - Các nhóm HS thực hiện nhiệm vụ, sau đó trình bày.  - GV nhận xét phần hoạt động nhóm, kết luận và định hướng cho HS. | Câu trả lời của HS. |

**\* Hoạt động 4: Vận dụng**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **GV giao nhiệm vụ cho HS:**  - GV giao nhiệm vụ về nhà cho HS như mục nội dung và yêu cầu nghiêm túc tự thực hiện, hoàn thành nhiệm vụ ở nhà:.  *Vận dụng sự hiểu biết của hãy trình bày suy nghĩ của mình về sự phong phú của bản sắc văn hóa Việt.*  GV khuyến khích sự xung phong/hoặc chỉ định 1-2 HS trình bày ở đầu buổi học tới (có thể lấy điểm đánh giá quá trình).  - GV nhận xét, đánh giá | *Vận dụng sự hiểu biết của hãy trình bày suy nghĩ của mình về sự phong phú của bản sắc văn hóa Việt.* |

**\*V.Hướng dẫn tự học:**

**1. Bài vừa học:**

+ Nắm nội dung kết nối chủ điểm “ Văn bản thông tin”

+ Vẽ sơ đồ tư duy về các kiến thức đã học trong bài “ Hương Khúc”

**2 Bài sắp học:** **Thực hành tiếng việt: Số từ**

Xác định đặc điểm và vị trí của số từ trong các bài tập.sgk/54

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

**Ngày soạn : Tiết 103,104 : THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT: SỐ TỪ**

**Ngày dạy:**

**1. Hoạt động 1: Mở đầu**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **GV Chuyển giao nhiệm vụ**  GV chiếu những từ sau lên màn hình: “Một, hai, ba, những, cả, mấy”. Sau đó yêu cầu học sinh trả lời những từ trên thuộc từ loại nào trong thời gian 3 phút.  **HS thực hiện nhiệm vụ**  HS cùng suy nghĩ, ghi đáp án ra bảng nhóm trong 2 phút (Kích cỡ bằng tờ A3)  **\* Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  ***Học sinh làm, đọc đáp án của một vài nhóm. Các học sinh khác bổ sung, nhận xét.***  **\* Nhận xét, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  GV lắng nghe những đáp án của các nhóm, khen và thưởng sao (hoặc điểm) cho nhóm có kết quả đúng.  *=> GV chốt: Trong các từ đã cho đó đều là số từ. Tuy nhiên trong tiết học hôm nay, các em sẽ được làm rõ hơn về đặc điểm và chức năng của số từ.* | Câu trả lời của HS |

**\* Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới**

**2.1 Đặc điểm và chức năng của số từ**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **NV1:Đặc điểm và chức năng của số từ**  **\* GV chuyển giao nhiệm vụ**  -GV hướng dẫn hs phân tích vd trong sgk  -GV chiếu vd lên và yêu cầu học sinh phân biệt ý nghĩa của 2 câu sau:  ***+ Vd1: Hai*** *cái răng đen nhánh lúc nào cũng nhai ngoàm ngoạp như* ***hai*** *lưỡi liềm máy làm việc.*  ***(Tô Hoài- Dế Mèn phiêu lưu kí)***  *+****Vd2****: Đã dậy chưa hả trầu*  *Tao hái* ***vài*** *lá nhé*  *Cho bà và cho mẹ*  *Đừng lụi đi trầu ơi*  (Trần Đăng Khoa, *Đánh thức trầu*)   * Hỏi: Các từ in đậm trên bổ sung ý nghĩa cho những từ nào? * Từ “hai” với từ “vài” khác nhau ở chỗ nào?   **\* HS thực hiện nhiệm vụ học tập:**HS quan sát và trả lời câu hỏi.  **\* Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  Một vài HS trả lời câu hỏi. Các HS khác bổ sung (nếu có).  **\* Nhận xét, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  GV định hướng cho hs theo tri thức tiếng việt trong sgk.   * Từ “hai” bổ sung ý nghĩa cho danh từ “cái răng”, “lưỡi liềm”. * Từ “vài” bổ sung ý nghĩa cho từ lá. * Cả hai đều là số từ chỉ số lượng. Từ “hai” chỉ con số cụ thể, chính xác. Từ “vài” chỉ con số ước chừng.   +Vd3: GV chiếu cho hs xem tiếp ví dụ 3:  **NV2: Chức năng của số từ**  **\* GV chuyển giao nhiệm vụ**  *Bạn Lan ngồi bàn* ***thứ ba*** *từ trên bảng xuống.*   * Hỏi: Từ in đậm trên bổ sung ý nghĩa gì trong câu?   **\* HS thực hiện nhiệm vụ học tập:**  HS quan sát và trả lời câu hỏi.  ***\* Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập***  Một vài HS trả lời câu hỏi. Các HS khác bổ sung (nếu có).  **\* Nhận xét, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  **GV định hướng cho hs theo tri thức tiếng việt trong sgk.**  Từ “thứ ba” bổ sung ý nghĩa cho danh từ “bàn”, đứng sau danh từ. Gọi là số từ chỉ số thứ tự. | **I.Đặc điểm và chức năng của số từ**  **1. Đặc điểm**  Số từ là những từ chỉ số lượng và thứ tự của sự vật.  **2**. **Chức năng của số từ :**  - Số từ, đứng trước danh từ gọi là số từ chỉ số lượng.  - Số tư chỉ số lượng có hai loại, *+ số từ chỉ số lượng chính xác*  *+ số từ chỉ số lượng ước chừng*.  -Số từ chỉ số thứ tự. |

**\* Hoạt động 3: Luyện tập**

**a. Mục tiêu**: - HS hiểu rõ hơn về số từ.

- HS vận dụng kiến thức đã học để làm bài tập

**b. Nội dung:**GV hướng dẫn câu hỏi (1) trong SGK,

**c. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **Bài tập 1:**  **GV Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu học sinh đọc câu hỏi (1) đồng thời chiếu đề lên máy chiếu:  ***Tìm và xác định chức năng của số từ trong các câu sau***:    a. *Vẽ một vòng tròn nhỏ giữa sân, ở giữa đặt một cây cờ hoặc chiếc khăn, cành lá,...tượng trưng cho cờ.*    (*Theo* Nguyễn Thị Thanh Thuỷ, *Trò chơi cướp cờ*)    b. *Sau đó, cờ lại được đặt vào vị trí quy định để trọng tài gọi hai người chơi tiếp theo của hai đội tham gia.*    (*Theo* Nguyễn Thị Thanh Thuỷ, *Trò chơi cướp cờ*)    c. *Sau hai ngày thì đặt ngửa củ lên, đưa vào dụng cụ dưỡng như bình thuỷ tinh, bình nhựa, bát đất nung.*    (*Theo* Giang Nam, *Cách gọt củ hoa thuỷ tiên*)    d. *Em quẹt que diêm thứ hai, diêm cháy và sáng rực lên.*    (An-đéc-xen, *Cô bé bán diêm*)    *đ. Mỗi khi dỡ những chiếc bánh khúc trong chõ ra, bà nội lại xếp dăm cái lên đĩa để thắp hương trên ban thờ.*    (Nguyễn Quang Thiều, *Tôi khóc những cánh đồng rau khúc*)  **HS: Thực hiện nhiệm vụ**  HS đọc SGK và trả lời câu hỏi.  **\* Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  Một vài HS trả lời câu hỏi. Các HS khác bổ sung (nếu có***).***  **\* Nhận xét, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  **Bài tập 2:**  **GV: Chuyển giao nhiệm vụ**  GV yêu cầu HS xác định ý nghĩa của số từ được in đậm trong các ví dụ sau:  a. *Tục truyền, đời Hùng Vương thứ* ***sáu****, ở làng Gióng có* ***hai*** *vợ chồng ông lão chăm chỉ làm ăn và có tiếng là phúc đức.*   (*Thánh Gióng*)  *b. Con sắt đập ngã ông Đùng*  *Đắp* ***mười*** *chiếc chiếu không cùng bàn tay.*(Ca dao)  c. *Lần thứ* ***hai*** *cất lưới lên cũng thấy nặng tay. Thận không ngờ thanh sắt vừa rồi lại chui vào lưới mình. Chàng lại ném xuống sông. Lần thứ* ***ba****, vẫn thanh sắt ấy mắc vào lưới.*(*Sự tích Hồ Gươm*)  d. *Khoảng sau* ***một*** *giờ* ***rưỡi****, những nồi cơm lần lượt được đem trình trước cửa đình.*  (Minh Nhương, *Hội thổi cơm thi ở Đồng Vân*)  **HS Thực hiện nhiệm vụ**  HS làm bài tập (2) cá nhân  **\* Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  Ở câu hỏi (2) đại diện các nhóm trình bày trước lớp ý kiến.  GV hướng dẫn các HS khác nhận xét, góp ý, bổ sung.  **\* Nhận xét, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  Gv nhận xét và chốt  **Bài tập 3:**  **HS Thực hiện nhiệm vụ**  -GV yêu cầu HS làm việc theo cặp,   * Đọc lại đoạn văn đã viết ở câu hỏi 6 (văn bản *Trò chơi cướp cờ*), trang 47. Xác định số từ có trong đoạn văn (nếu chưa có thì hãy bổ sung ít nhất một số từ) và chỉ ra chức năng của (những) số từ đó.   **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  HS làm bài tập ứng dụng (3 phút)  **\* Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  Đại diện HS trả lời trước lớp.  GV hướng dẫn các HS khác nhận xét, góp ý, bổ sung***.***  **\* Nhận xét, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  Gv nhận xét, bổ sung  **Bài tập 4:**  **GV Chuyển giao nhiệm vụ**  Chỉ ra nghĩa thông thường và nghĩa theo dụng ý của tác giả đối với các từ ngữ được đặt trong dấu ngoặc kép sau:  *a.“Chuẩn vị” thuỷ tiên xưa, lá phải xoăn, thấp, những bông hoa cao lêu đêu cũng là hỏng.*   (*Theo* Giang Nam, *Cách gọt củ hoa thuỷ tiên*)  b. *Theo nghệ nhân Nguyễn Phú Cường, đấy là lúc chiếc lá “ngoan” nhất.*  (*Theo* Giang Nam, *Cách gọt củ hoa thuỷ tiên*)  **HS Thực hiện nhiệm vụ**  HS làm nhóm  **\* Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  Đại diện HS trả lời trước lớp.  GV hướng dẫn các HS khác nhận xét, góp ý, bổ sung.  **\* Nhận xét, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  Gv nhận xét, bổ sung    **Bài tập 5:**  **GV:Chuyển giao nhiệm vụ**  Trong tiếng Việt, *cho*, *biếu*, *tặng* đều có nghĩa giống nhau là chuyển vật mình đang sở hữu cho người khác mà không đổi lấy gì cả. Trong câu văn “Rồi bà tôi dỡ dăm chiếc bánh khúc nóng hổi cho vào một chiếc đĩa để chị tôi mang vào cuối làng *biếu* bà ngoại tôi.” (Nguyễn Quang Thiều, *Tôi khóc những cánh đồng rau khúc*), vì sao tác giả lại dùng từ *biếu* mà không dùng *cho* hoặc *tặng*?  **HS:Thực hiện nhiệm vụ**  HS làm bài tập cá nhân  **\* Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  Ở câu hỏi đại diện các nhóm trình bày trước lớp ý kiến.  GV hướng dẫn các HS khác nhận xét, góp ý, bổ sung.  \* **Nhận xét, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  Gv nhận xét và chốt | **Bài tập 1:**   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Câu** | **Số từ được sử dụng** | **Chức năng của số từ** | | a | *một* | Bổ sung ý nghĩa về số lượng cho danh từ *vòng tròn, cây cờ.* | | b | *hai* | Bổ sung ý nghĩa về số lượng cho danh từ *người, đội.* | | c | *hai* | Bổ sung ý nghĩa về số lượng cho danh từ *ngày.* | | d | *hai* | Bổ sung ý nghĩa về thứ tự cho danh từ *thứ.* | | đ | *dăm* | Bổ sung ý nghĩa về số lượng cho danh từ *cái.* |   **Bài tập 2:**   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Câu** | **Số từ được sử dụng** | **Ý nghĩa của số từ** | | a | *sáu*  *hai* | Biểu thị số thứ tự của danh từ.  Biểu thị số lượng chính xác. | | b | *mười* | Biểu thị số lượng chính xác. | | c | *hai, ba* | Biểu thị số thứ tự của danh từ. | | d | *một, rưỡi* | Biểu thị số lượng chính xác. |   **Bài tập 3:**  **Bài tập** 4**:**   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Từ ngữ được đánh dấu** | **Nghĩa thông thường** | **Nghĩa được hiểu theo dụng ý của tg trong văn bản *Cách gọt củ hoa thuỷ tiên*** | | *Chuẩn vị* | Có vị đúng chuẩn. | Có vẻ đẹp đúng chuẩn (nói về vẻ đẹp hoa thuỷ tiên xưa). | | *Ngoan* | Dễ bảo, biết nghe lời (thường nói về trẻ em). | (Chiếc lá) dễ uốn nắn, dễ tạo hình nhất. |   **Bài tập 5:**  Về các từ *cho*, *biếu*, *tặng*:   * + Điểm giống nhau về nghĩa: chuyển vật mình đang sở hữu cho người khác mà không đổi lấy gì cả.   + Điểm khác nhau: ba từ trên có sự khác nhau về sắc thái biểu cảm và đối tượng nói đến khi sử dụng:   + *Cho*: thường dùng trong trường hợp người trên/ lớn tuổi hơn trao cho người dưới/ nhỏ tuổi hơn hoặc dùng giữa những người ngang hàng/ bằng tuổi nhau, biểu thị sắc thái bình thường, thân mật.  + *Biếu*: thường dùng trong trường hợp người dưới/ nhỏ tuổi hơn trao cho người trên/ lớn tuổi hơn, biểu thị sự tôn trọng, thành kính.  + *Tặng*: được dùng để chỉ ý “cho, trao cho nhằm khen ngợi, khuyến khích hay tỏ lòng yêu mến”, có thể dùng trong nhiều trường hợp (giữa người trên/ lớn tuổi và người dưới/ nhỏ tuổi hơn hoặc giữa những người ngang hàng/ bằng tuổi nhau). *Tặng* (ví dụ: tặng quà sinh nhật cho nó, tặng anh ấy một món quà, ttặng mẹ một bó hoa,…) thường được sử dụng trong các dịp đặc biệt như: sinh nhật, ngày lễ,…  Trong trường hợp câu văn của Nguyễn Quang Thiều, từ *biếu* được chọn dùng là hoàn toàn phù hợp vì đó là trường hợp “chị tôi” (người dưới) mang những chiếc bánh khúc nóng hổi đến để trao cho “bà ngoại tôi” (người trên). Cách sử dụng từ *biếu* trong trường hợp đó thể hiện được sự kính trọng của tác giả dành cho bà ngoại mình. Cách diễn đạt như vậy cho thấy những chiếc bánh khúc ấy không chỉ là những hiện vật về mặt vật chất mà nó còn gói trọn tất cả những tình cảm yêu thương, trân trọng mà người cho dành cho người nhận |

**\* Hoạt động 4: Vận dụng**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **GV Chuyển giao nhiệm vụ**  GV yêu cầu HS viết vào phiếu theo kĩ thuật 3-2-1 trong đó:  3: 3 từ khoá kiến thức trong tiết học  2: 2 bài học con học được  1: 1 câu hỏi/ thắc mắc cần được giải đáp  **HS:Thực hiện nhiệm vụ**  Học sinh ghi câu trả lời vào phiếu học tập  **\* Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  Một vài HS chia sẻ trước lớp.  \* **Nhận xét, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  GV nhận xét và chốt |  |

**V. Hướng dẫn tự học:**

**1.Bài vừa học:**

+ Đặc điểm và chức năng của số từ

+ Hoàn thành các bài tập trong sgk.

**2.Bài sắp học: Đọc mở rộng theo thể loại: Kéo Co - Trần Thị Ly -**

Trả lời các câu hỏi trong phần hướng dẫn đọc hiểu ở SGK/55,56...

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

Ngày soạn : **Tiết 105 :** **Văn bản 4: Đọc mở rộng theo thể loại**

Ngày dạy: **KÉO CO**

- **Trần Thị Ly** –

**1. Hoạt động 1: Mở đầu**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **GV:Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS quan sát hình ảnh về trò chơi dân gian “Kéo co” và trả lời câu hỏi  *Trò chơi được tổ chức vào dịp nào? Số đội tham gia trò chơi? Dụng cụ chính để chơi là gì? Em có nhận xét gì về trang phục?*  Các trò chơi dân gian vô cùng hấp dẫn nhất trong dịp Tết cổ truyền | Văn  hóa | Vietnam+ (VietnamPlus)Trò Chơi Kéo Co Và Kỹ Thuật Bách Chiến Bách Thắng Mỗi Trận đấu Thể lệ trò chơi kéo co - Phú Long Blog  **HS Thực hiện nhiệm vụ.**  - HS theo dõi hình ảnh, hoạt động cá nhân và trả lời câu hỏi  GV theo dõi, quan sát HS  - Câu trả lời của HS:  + Trò chơi Kéo co được tổ chức vào dịp lễ tết, lễ hội cổ truyền, hội thao, hoạt động ngoại khoá, dã ngoại,…  + Tham gia trò chơi có 2 đội  + Dụng cụ chính: Sợi dây dài chắc, dẻo,…  + Trang phục: đa dạng ( không bắt buộc)  **\* Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  - Yêu cầu HS trình bày ý kiến cá nhân  \* **Nhận xét, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  ***- GV nhận xét câu trả lời; chốt kiến thức, chuyển dẫn vào bài học.***  *“Kéo co” là một môn thể thao rèn luyên sức khoẻ và là một trò chơi dân gian thể hiện tinh thần và mang tính đồng đội cao, đem lại niềm vui, sự thoải mái cho mọi người khi tham gia vào các dịp lễ hội.* | Suy nghĩ của HS |

**2. Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới**

**a. Mục tiêu**: Nắm được các thông tin về thể loại, đọc văn bản, nội dung bài học

**b. Nội dung**: HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để trả lời câu hỏi.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **I. Đọc văn bản và chuẩn bị nội dung** | |
| **Hoạt động 1: Đọc văn bản**  **GV Chuyển giao nhiệm vụ**  *GV nhắc lại yêu cầu từ tiết trước, học sinh đọc bài ở nhà và làm bài tập trong phần Hướng dẫn đọc*  - GV lưu ý HS chú ý các đặc điểm văn bản thông tin.  - Mối quan hệ giữa đặc điểm văn bản với mục đích văn bản  - Trình tự triển khai của văn bản  - Phương tiện phi ngôn ngữ được sử dụng trong văn bản? Tác dụng của phương tiện phi ngôn ngữ đối với mục đích văn bản?  - HS xem lại nội dung đã chuẩn bị, thực hiện nhiệm vụ.  **HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  + HS nghe và đặt câu hỏi liên quan đến bài học.  **\*Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + HS trình bày sản phẩm thảo luận  + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **\*Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  + GV nhận xét, đánh giá. | **I. Đọc văn bản và chuẩn bị nội dung** |
| **II. Tìm hiểu chi tiết** | |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **GV chuyển giao nhiệm vụ**  **NV1: Tìm hiểu văn bản Kéo co**  - GV yêu cầu HS: các nhóm lần lượt trình bày, chia sẻ thông qua bảng kiểm.   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **BẢNG KIỂM** | | | | **Yêu cầu** |  | **Văn bản: Kéo co** | | Những đặc điểm của văn bản |  |  | | Mục đích văn bản |  |  | | Cách triển khai thông tin |  |  | | Phương tiện phi ngôn ngữ |  |  | | Tác dụng của phương tiện phi ngôn ngữ |  |  |   - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  + HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi trong bảng kiểm  **\*Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + HS trình bày sản phẩm thảo luận  + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn  **\*Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức | **II.Tìm hiểu văn bản Kéo co:**  **- Thể loại:** Văn bản thông tin - giới thiệu quy tắc, luật lệ trò chơi Kéo co  **- Đặc điểm :**  **Cấu trúc 4 phần**  + Người chơi.  + Chuẩn bị.  + Cách chơi.  + Quy định trò chơi.  **Về hình thức:**  Các mục trong bài được kí hiệu theo các phần a,b,c,d.  Sử dụng các số từ chỉ số lượng.  Sử dụng các từ ngữ miêu tả chi tiết về trò chơi kéo co.  Dùng hình ảnh minh họa.  => Các đặc điểm này giúp làm sáng tỏ mục đích của văn bản.  **- Mục đích văn bản:** Giới thiệu cách chơi và những quy định về trò chơi rất phổ biến trong dân gian: Kéo co.  **- Cách triển khai thông tin:** Trình bày theo trật tự thời gian (thứ tự các bước cần thực hiện) .  **- Phương tiện phi ngôn ngữ:** hình ảnh minh hoạ trong văn bản.  **- Tác dụng của phương tiện phi ngôn ngữ:** giúp người đọc dễ hình dung cụ thể hơn về trò chơi kéo co. |

**3. Hoạt động 3: Luyện tập**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Sản phẩm dự kiến** |
| - GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi: Hãy nhắc lại những đặc điểm cơ bản của một văn bản thông tin qua các văn bản đã học.  - GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức | **III.** **Luyện tập**  Kết quả của HS. |

**4. Hoạt động 4: Vận dụng**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Sản phẩm dự kiến** |
| - GV yêu cầu HS: Tìm đọc thêm các văn bản thuộc thể loại văn bản thông tin để nắm thêm được những đặc điểm đặc trưng thể loại  - GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức |  |

**V. HƯỚNG DẪN TỰ HỌC**

1Bài vừa học:

-Học thuộc nội dung ghi vở

2. Bài sắp học: Ôn tập kiểm tra giữa kì II

Ngày soạn : **Tiết 106, 107: ÔN TẬP GIỮA HỌC KỲ II**

Ngày dạy:

1. **Phần đọc hiểu văn bản**

**1.Nghị luận xã hội**

**- Khái niệm:** Văn bản nghị luận về một vấn đề đời sống (nghị luận xã hội) được viết ra để bàn về một sự việc, hiện tượng có ý nghĩa đối với xã hội, hay một vấn đề thuộc lĩnh vực tư tưởng, đạo đức, lối sống của con người

**- Đặc điểm:**

+ Thể hiện rõ ý kiến khen, chê, đồng tình, phản đối của người viết đối với hiện tượng, vấn đề cần bàn luận

+ Trình bày những lí lẽ, bằng chứng để thuyết phục người đọc, người nghe. Bằng chứng có thể là nhân vật, sự kiện, số liệu liên quan đến vấn đề cần bàn luận

+ Ý kiến, lí lẽ, bằng chứng được sắp xếp theo trình tự hợp lí

**- Các văn bản nghị luận xã hội đã học trong chương trình:**

* [Tự học - một thứ vui bổ ích (Nguyễn Hiến Lê)](https://vndoc.com/soan-bai-tu-hoc-mot-thu-vui-bo-ich-lop-7-285248)
* [Bàn về đọc sách (Chu Quang Tiềm)](https://vndoc.com/soan-bai-ban-ve-doc-sach-lop-7-285297)
* [Đừng từ bỏ cố gắng (theo Trần Thị Cẩm Quyên)](https://vndoc.com/soan-bai-dung-tu-bo-co-gang-trang-15-lop-7-285320)

**2. Tục ngữ :**

**- Khái niệm:** Là một trong những thể loại sáng tác dân gian

**- Công dụng:** Thường được sử dụng chủ yếu nhằm tăng thêm độ tin cậy, sức thuyết phục về một nhận thức hay một kinh nghiệm

**- Đặc điểm nội dung:** Thể hiện những kinh nghiệm của nhân dân về thiên nhiên, lao động sản xuất, con người và xã hội

**- Đặc điểm hình thức:**

+ Thường ngắn gọn (câu ngắn nhất gồm 4 chữ, câu dài có thể trên dưới 16 chữ)

+ Có nhịp điệu, hình ảnh

+ Hầu hết đều có vần, và thường là: vần lưng (vần sát), vần cách

+ Thường có hai vế trở lên, các vế đối xứng nhau cả về hình thức lẫn nội dung

+ Thường đa nghĩa nhờ sử dụng các biện pháp tu từ, nhất là tục ngữ về con người và xã hội

### 3. Thành ngữ :

**- Khái niệm:** là một tập hợp từ cố định, có nghĩa được xác định bằng nghĩa của cả tập hợp từ, thường có tính hình tượng và biểu cảm (chứ không phải là phép cộng đơn giản từ nghĩa của các từ)

**- Công dụng:** thành ngữ khi được sử dụng trong giao tiếp (nói hoặc viết) làm cho lời nói, câu văn trở nên giàu hình ảnh và cảm xúc

**- Đặc điểm:** thành ngữ có thể làm thành một bộ phận của câu hay thành phần phụ trong các cụm từ nhưng không thể là một câu trọn vẹn.

**B. Phần tiếng việt:**

### 1. Liên kết trong văn bản

**- Khái niệm:** Liên kết là một trong những tính chất trong của văn bản, có tác dụng làm văn bản trở nên mạch lạc, hoàn chỉnh cả về nội dung và hình thức

**- Đặc điểm của một văn bản có tính liên kết**

+ Nội dung các câu, các đoạn thống nhất và gắn bó chặt chẽ với nhau

+ Các câu, các đoạn được kết nối với nhau bằng các phép liên kết thích hợp

**- Một số phép liên kết thường dùng:**

+ Phép lặp (lặp lại ở câu đằng sau từ ngữ đã có ở câu trước)

+ Phép thế (sử dụng ở câu sau từ ngữ có tác dụng thay thế từ ngữ đã có ở câu trước)

+ Phép nối (sử dụng ở câu sau các từ ngữ biểu thị quan hệ với câu trước)

+ Phép liên tưởng (sử dụng ở câu đứng sau các từ ngữ cùng trường liên tưởng với từ ngữ đã có ở câu trước)

### 2. Nói quá

**- Khái niệm:** nói quá là biện pháp phóng đại mức độ, quy mô, tính chất của sự vật, hiện tượng được miêu tả nhằm nhấn mạnh, gây ấn tượng, tăng sức biểu cảm cho sự diễn đạt:

### 3. Nói giảm nói tránh

**- Khái niệm:** nói giảm nói tránh là biện pháp dùng các diễn đạt tế nhị, tránh gây cảm giác quá đau buồn, ghê sợ, nặng nề; tránh thô tục, thiếu lịch sự

**C. Phần tập làm văn:**

Viết bài văn nghị luận về một vấn đề đời sống:

V.HƯỚNG DẪN TỰ HỌC

1.Bài vừa học.

- Xem lại nội dung ôn tập

2. Bài sắp học: Kiểm tra giữa kì II

Ngày soạn : **Tiết 108,109: KIỂM TRA GIỮA HỌC KỲ** **II**

Ngày dạy:

|  |  |
| --- | --- |
| **PHÒNG GD & ĐT HUYỆN PHÚ HÒA**  **TRƯỜNG THCS TT PHÚ HÒA**  **TỔ: NGỮ VĂN** | **KIỂM TRA GIỮA KÌ II - NĂM HỌC: 2022 -2023**  **Môn thi: NGỮ VĂN 7**  *Thời gian: 90 phút* |

**I. ĐỌC HIỂU (6.0 điểm)**

**Đọc văn bản sau:**

Không có gì diệt tình bằng hữu(1) và những hảo ý(2) bằng thói nhiều chuyện. Không cần nói nhiều mà cần nói nghĩa lý và có duyên.

Kẻ nhiều chuyện phá hoại danh dự của kẻ khác, gây những cảm tưởng sai lầm, làm cho người ta nghi kị nhau, oán ghét nhau, vì vậy đi tới đâu, ai cũng trốn tránh như trốn bệnh dịch vậy.

Nhiều chuyện là một thói trời sinh cũng có, nhưng lắm khi do lòng tự ti mặc cảm. Ai cũng muốn được người biết mình, để ý tới mình, và khi không có tài năng gì khác người thì phải kiếm cách nói xấu bạn bè, vu oan, thêm bớt cho người nghe chú ý tới mình để mình thành trung tâm điểm trong đám đông.

Muốn trừ tật ấy thì trước khi nói điều gì về ai bạn tự hỏi:

- Lời đó đúng không?

- Nếu trúng, ta nhắc lại có ích lợi gì không?

- Ta có cần phải nhắc lại lời ấy không?

Trong sự kinh doanh, người nhiều chuyện thường làm hỏng việc, và mười người bị đuổi khỏi hãng thì có chín người vì có tật nhiều chuyện.

(*Trích Bảy bước đến thành công”,* Nguyễn Hiến Lê)

**\*Chú thích:**

(1) Bằng hữu: bạn bè.

(2) Hảo ý: ý tốt.

**Dựa vào đoạn văn bản trích trong “Bảy bước đến thành công” của tác giả Nguyễn Hiến Lê em hãy trả lời các câu hỏi sau bằng cách khoanh tròn vào đáp án mà em cho là đúng nhất:**

**Câu 1.** **Phương thức biểu đạt chính của đoạn trích là?**

A. Tự sự

B. Miêu tả

C. Biểu cảm

D. Nghị luận

**Câu 2.** Vấn đề chính của đoạn trích là gì?

A. Bàn về hảo ý.

B. Bàn về lòng tự ti.

C. Bàn về thói nhiều chuyện.

D. Bàn về tình bằng hữu.

**Câu 3.** Phép liên kết nào được sử dụng nhiều nhất trong ngữ liệu?

A. Phép lặp từ ngữ

B. Phép thế

C. Phép nối

D. Phép liên tưởng

**Câu 4**. Câu văn nào có sử dụng phép so sánh?

A. *Không có gì diệt tình bằng hữu và những hảo ý bằng thói nhiều chuyện.*

B. *Không cần nói nhiều mà cần nói nghĩa lý và có duyên.*

C. *Kẻ nhiều chuyện phá hoại danh dự của kẻ khác, gây những cảm tưởng sai lầm, làm cho người ta nghi kị nhau, oán ghét nhau, vì vậy đi tới đâu, ai cũng trốn tránh như trốn bệnh dịch vậy.*

D. *Nhiều chuyện là một thói trời sinh cũng có, nhưng lắm khi do lòng tự ti mặc cảm.*

**Câu 5**. Thành ngữ liên quan đến thói nhiều chuyện là gì?

A. *Ngứa mồm ngứa miệng.*

B. *Miệng nói tay làm*.

C. *Miệng ăn núi lở.*

D. *Kiến bò miệng chén.*

**Câu 6.** Luận cứ nào **không có** trong ngữ liệu?

A. Tác hại của thói nhiều chuyện.

B. Nguyên nhân của thói nhiều chuyện.

C. Mặt tích cực của thói nhiều chuyện.

D. Giải pháp để loại bỏ thói nhiều chuyện.

**Câu 7**. Câu *Muốn trừ tật* ***ấy*** *thì trước khi nói điều gì về ai bạn tự hỏi* thì từ “**ấy**” là phương tiện liên kết của?

A. Phép lặp.

B. Phép thế.

C. Phép nối.

D. Phép liên tưởng.

**Câu 8.** Theo tác giả, nhiều chuyện chỉ do trời sinh. Đúng hay sai?

A. Đúng. B. Sai.

**Câu 9.** Vì sao nhiều chuyện sẽ diệt tình bằng hữu?

**Câu 10**. Nếu em nhận ra mình có thói nhiều chuyện thì em nên duy trì hay loại bỏ thói ấy? Vì sao?

**II. VIẾT (4.0 điểm)**

Bằng trải nghiệm văn học và sự hiểu biết của mình. Em hãy viết bài văn nghị luận bàn về câu tục ngữ: “Uống nước nhớ nguồn”.

*------------- Hết -------------*

**HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I**

**Môn: Ngữ văn lớp 7**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Phần** | **Câu** | **Nội dung** | **Điểm** |
| **I** |  | **ĐỌC HIỂU** | **6,0** |
| **1** | D | 0,5 |
| **2** | C | 0,5 |
| **3** | A | 0,5 |
| **4** | C | 0,5 |
| **5** | A | 0,5 |
| **6** | C | 0,5 |
| **7** | B | 0,5 |
| **8** | B | 0,5 |
| **9** | Học sinh lí giải hợp lí, thuyết phục. Dưới đây là gợi ý:  - Thói "nhiều chuyện" có thể gây hại đến tình bạn bè bởi vì nó có thể dẫn đến những hiểu lầm và xung đột. Khi một người có thói quen nói nhiều, đôi khi họ có thể không suy nghĩ kỹ trước khi nói hoặc không hiểu rõ ý nghĩa của những gì họ đang nói.  - Điều này có thể gây ra những hiểu lầm và khiến người khác cảm thấy bị xúc phạm hoặc bất mãn.  - Nếu một người có thói quen nói nhiều, họ có thể trở nên quá tập trung vào chính họ và bỏ qua nhu cầu và cảm xúc của người khác. Điều này có thể dẫn đến sự khó chịu và bất mãn từ phía bạn bè.  - Nếu một người nói nhiều về những chuyện không quan trọng hoặc có tính chất riêng tư, điều này có thể khiến bạn bè cảm thấy không thoải mái và mất lòng tin. | 1,0 |
| **10** | Thói quen "nhiều chuyện" có thể gây hại đến mối quan hệ và giao tiếp của bạn với người khác. Dưới đây là một số lý do vì sao nên loại bỏ thói quen này:  - Gây phiền toái cho người khác.  - Làm giảm sự quan tâm của người khác.  - Dễ gây hiểu lầm.  - Gây mất thời gian. | 1,0 |
| **II** |  | **VIẾT** | **4,0** |
|  | ***a. Đảm bảo bố cục bài văn tự sự gồm 3 phần:*** Mở bài; Thân bài; Kết bài. | 0.25 |
| ***b. Xác định đúng yêu cầu của đề:*** Nghị luận về một vấn đề trong đời sống: lòng biết ơn. | 0.25 |
| ***c. Nêu ý kiến, quan điểm của bản thân.***  HS trình bày ý kiến về vấn đề mình quan tâm, cần đảm bảo các ý sau:  **\*Mở bài**  - Giới thiệu vấn đề cần nghị luận: Lòng biết ơn trong cuộc sống.  - Nêu ý kiến của bản thân: Lòng biết ơn là đạo lí, truyền thống tốt đẹp.  - Trích dẫn ngữ liệu: Câu tục ngữ “Uống nước nhớ nguồn”.  **\*Thân bài**  **Giải thích câu tục ngữ**  - Nghĩa đen: “Uống nước” phải nhớ đến nới tạo ra nguồn nước.  - Nghĩa ẩn dụ: Khi hưởng thành quả phải biết ơn người ta ra thành quả ấy.  - Nội dung câu tục ngữ: Lời khuyên của người xưa rằng con người cần có lòng biết ơn.  **Bàn luận về câu tục ngữ**  - *Đánh giá câu tục ngữ*: Đạo lí tốt đẹp.  - *Đưa ra lý lẽ và bằng chứng lý giải tính tốt đẹp của câu tục ngữ*:  + *Lý lẽ*: Không có gì tự nhiên mà có. Mỗi cá nhân hay xã hội đều thừa hưởng những thành quả mà cá nhân hay xã hội trước để lại; Người sống biết ơn sẽ được mọi người kính trọng, yêu mến và họ có mối quan hệ tốt đẹp với mọi người; Sống biết ơn sẽ làm cho xã hội tốt đẹp, đất nước phát triển vì lẽ biết ơn không chỉ là chuyện nhớ ơn mà còn phát huy thành quả ấy hay tự tạo ra một thành quả mới để thế hệ sau kế thừa.  + *Bằng chứng*: Người Việt luôn nhớ ơn anh hùng liệt sĩ như Ngày Thương binh, liệt sĩ; nhớ ơn tổ tiên, ông bà, cha mẹ trong Lễ Tết; nhớ ơn thầy cô trong Ngày nhà giáo Việt Nam.  - *Lật lại vấn đề*: Phê phán kẻ sống vô ơn, *Ăn cháo đá bát, Qua cầu rút ván*,…  **\*Kết bài**  *- Khẳng định lại vấn đề*: Câu tục ngữ “Uống nước nhớ nguồn” là một quan niệm sống đúng đắn, một nét đẹp trong văn hóa dân tộc.  *- Bài học cho bản thân:*  + Nhận thức: Lòng biết ơn là một lối sống cao đẹp.  + Hành động: Cần biết ơn mọi người, thể hiện lòng biết ơn bằng những việc làm cụ thể, thiết thực. | 3.0 |
|  | ***d. Chính tả, ngữ pháp***  Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt. | 0.25 |
|  | ***e. Sáng tạo:*** Có sự sáng tạo về dùng từ, diễn đạt, lựa chọn lí lẽ, dẫn chứng để bày tỏ ý kiến một cách thuyết phục. | 0.25 |

Ngày soạn : **B. DẠY VIẾT**

Ngày dạy: **Tiết 110,111:** **VIẾT VĂN BẢN TƯỜNG TRÌNH**

**1. Hoạt động 1: Mở đầu**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **\* GV chuyển giao nhiệm vụ**  - GV đặt câu hỏi và nêu các tình huống cho HS: Em đã từng viết tường trình chưa? Trong trường hợp nào? Trong những tình huống sau, theo em tình huống nào cần viết tường trình?  Tình huống 1: Bạn Nhật Nam thường xuyên đi học muộn.  Tình huống 2: Trong giờ thực hành, em vô tình làm hỏng dụng cụ thí nghiệm  Tình huống 3: Lớp em muốn xin phép giáo viên chủ nhiệm tổ chức đi tham quan.  **HS tiếp nhận nhiệm vụ, chia sẻ những suy nghĩ của bản thân.**  *-* ***Từ chia sẻ của HS, GV dẫn dắt vào bài học mới:Bài học hôm nay, chúng ta cùng tìm hiểu cách viết một văn bản tường trình..*** | Câu trả lời của HS |

**\* Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **Hoạt động 1: Tìm hiểu các yêu cầu đối với cách viết một văn bản tường trình**  **GV:chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS, dựa vào SGK hoạt động cặp đôi.  *+ V*ăn bản tường trình *là gì?*  *+ Quan sát mẫu văn bản tường trình trong SGK và cho biết khi viết văn bản tường trình cần đảm bảo những yêu cầu gì đối với kiểu văn bản?.*  - HS thực hiện nhiệm vụ  **\* HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ.**  + HS nghe và đặt câu hỏi liên quan đến bài học.  Dự kiến sản phẩm:  **\* Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + HS trình bày sản phẩm thảo luận.  + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **\* Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức  **Hoạt động 2: Phân tích ví dụ tham khảo**  **GV Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS đọc bài mẫu (SGK – trang 59) hoạt động nhóm các câu hỏi sau.  Gv chia 2 nhóm: + Nhóm 1,2 : câu 1,2  + Nhóm 3,4: câu 3,4  *1/ Xác định phần mở đầu, nội dung tường trình và kết thúc của văn bản trên?*  *2/ Phần mở đầu của văn bản trên trình bày những nội dung gì?*  *3/ Nội dung tường trình của văn bản trình bày những thông tin gì?*  *4/ Những nội dung nào đã trình bày ở phần kết thúc của văn bản?*  - HS thực hiện nhiệm vụ  **\*HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  + HS nghe và đặt câu hỏi liên quan đến bài học.  **\*Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + HS trình bày sản phẩm thảo luận  + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **\*Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức  GV bổ sung, khi viết văn bản tường trình cần lưu ý.  - Xác định đúng tình huống cần viết tường trình.  - Sử dụng từ ngữ chính xác, phù hợp.  - Đảm bảo cấu trúc bài văn ba phần.  **Hoạt động 3: Thực hành theo quy trình viết**  **Gv chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS đọc kĩ Hướng dẫn quy trình viết trong SGK. *Hãy cho biết để viết văn bản tường trình cần thực hiện theo những bước nào?*  *GV cho HS xem video tình huống và thực hiện trả lời câu hỏi.*  ***Bước 1: Chuẩn bị trước khi viết* (xác định đề tài, mục đích, thu thập tư liệu)**  – **Đề tài:** Xác định nội dung, và kiểu bài viết:  *Đề tài của bài viết này là gì?*  **+** *Tôi muốn viết về nội dung gì?*  **+** *Kiểu bài này là gì?*  **Mục đích viết:** Xác định mục đích giao tiếp:  **+** *Mục đích viết bài này là gì?***+** *Viết để thông báo hay để trình bày?*  **-Người đọc:** Xác định đối tượng giao tiếp:  **+** *Người đọc của tôi có thể là ai?*  **+** *Họ đã biết điều gì về vấn đề tôi định viết?*  **+** *Điều gì có thể làm họ quan tâm? Họ muốn biết thêm việc gì?*  ***Bước 2: Tìm ý, lập dàn ý***  Tìm ý: Tên văn bản ? Nội dung tường trình là gì? Trình tự diễn biến sự việc: nguyên nhân, hậu quả, trách nhiệm người viết, cam đoan/ hứa.  Lập ý: Cần đảm bảo bố cụ mấy phần? Nội dung từng phần?  ***Bước 3: Viết bài***  + *Theo em, thế nào là một bài viết bản tường trình đạt yêu cầu?*  *+ Một bài viết bản tường trình đạt yêu cầu cần thoả mãn*/ *đáp ứng những tiêu chí nào?*  *+ Đọc bảng kiểm văn bản tường trình trong SGK và cho biết có cần bổ sung hay điều chỉnh tiêu chí nào không? Vì sao?*  *+ Nêu câu hỏi về những điều chưa rõ liên quan đến các tiêu chí (nếu có).*  ***Bước 4: Xem lại, chỉnh sửa và rút kinh nghiệm.***   |  |  |  | | --- | --- | --- | | *Bước* | *Những việc cần làm.* | *Ý nghĩa* | |  |  |  |   *HS thảo luận nhóm đôi các câu hỏi và hoàn thành vào bảng trên:*  - Hướng dẫn HS làm bài:  **\* HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  + HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi  **\* Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + HS trình bày sản phẩm thảo luận  + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **\* Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức | **I. Tìm hiểu văn bản tường trình:**  **1. Khái niệm**  -Tường trình là kiểu văn bản thông tin, trình bày tường tận, rõ ràng, đầy đủ về diễn biến của một sự việc “đã gây ra hậu quả và có liên quan đến người viết”, trong đó nêu rõ mức độ thiệt hại( nếu có) và xác định trách nhiệm của người viết đối với sự việc.  **2. Yêu cầu đối với kiểu văn bản**   1. **Về hình thức, bố cục cẩn có**:  * **Phần mở đầu:**   + Quốc hiệu và tiêu ngữ.  + Địa điểm, thời gian viết.  + Tên văn bàn và tóm tắt sự việc tường trình  + Người (cơ quan) nhận bản tường trình  + Thông tin người viết tường trình  Nội dung tường trình:  + Diễn biến sự việc: Nguyên nhân- hậu quả- trách nhiệm.   * **Phần kết thúc :**   Lời đề nghị, lời hứa, chữ ký và tên người viết tường trình.  **b. Về nội dung, thông tin cần bảo đảm**  + Số liệu, sự kiện chính xác, cụ thể.  +Ghi chép trung thực, đầy đủ không suy diễn chủ quan.  + Nội dung ghi chép phải có trọng tâm, trọng điểm.  **II. Phân tích ví dụ**  1/ Văn bản trên gồm: 3 phần  + **Mở đầu:** gồm các mục 1a, 1b,1c,1d,1đ  + **Nội dung:** gồm các mục 2a, 2b,2c,2d  + **Kết thúc:** gồm các mục 3a,3b,3c  **2/ Phần. mở đầu:**   * Quốc hiệu tiêu ngữ * Địa điểm, thời gian viết tường trình * Tên văn bản và tóm tắt sự việc tường trình * Người nhận * Thông tin người viết.   **3/ Nội dung tường trình:**  Thời gian, địa điểm, diễn biến sự việc…  Nguyên nhân của sự việc  Hậu quả của sự việc  Trách nhiệm của người viết tường trình.  **4/ Kết thúc:**  Lời đề nghị và lời hứa của người viết.  Chữ ký và tên của người viết tường trình.  **III. Thực hành viết:**  **Đề bài: Hãy viết tường trình lại về một sự việc xảy ra ngoài ý muốn mà em đã chứng kiến hoặc tham gia.**  Các bước thực hiện quy trình viết:  **Bước 1: Chuẩn bị trước khi viết** – Xác định đề tài:  VD: Bản tường trình về việc…   * Xác định mục đích giao tiếp * Xác định đối tượng giao tiếp.   **Bước 2: Tìm ý, lập dàn ý**  **Bước 3: Viết bài**  - Viết thành văn bản tường tường trình dựa trên cơ sở dàn ý .  -Tôn trọng sự thật, trình bày trung thực, đầy đủ khách quan những sự việc đã xảy ra.  **Bước 4: Xem lại, chỉnh sửa và rút kinh nghiệm.**  Bảng kiểm văn bản tường trình |

\* **Hoạt động 3: Luyện tập**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Sản phẩm dự kiến** |
| *- GV yêu cầu HS:* HS thực hành viết bài  *- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức* |  |

**\* Hoạt động 4: Vận dụng**

**a) Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

**b) Nội dung:** Sử dụng kiến thức đã học để hỏi và trả lời, trao đổi

**c) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Sản phẩm dự kiến** |
| *- GV yêu cầu HS:* HS tìm đọc một số văn bản tường trình để tham khảo cách viết.  *- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.* |  |

**Bảng kiểm văn bản tường trình**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Các phần của bài viết** | **Nội dung kiểm tra** | **Đạt** | **Chưa đạt** |
| **Phần mở đầu** | Tên quốc hiệu: viết in hoa, ở trên cùng và giữa văn bản |  |  |
| Tiêu ngữ:viết chữ thường, canh giữa dưới quốc hiệu, chữ cái đầu của các cụm từ được viết hoa, giữa các cụm từ có gạch nối(-), ở giữa văn bản |  |  |
| Địa điểm, thời gian viết văn bản:đặt dưới quốc hiệu, tiêu ngữ và lùi sang phía bên phải của văn bản |  |  |
| Tên văn bản:viết chữ in hoa, cỡ chữ lớn hơn các chữ khác trong văn bản, ở giữa văn bản. |  |  |
| Dòng tóm tắt sự việc tường trình:viết chữ thường,dặt dưới tên văn bản, ở giữa văn bản |  |  |
| Trình bày thông tin về người nhận theo đúng quy cách |  |  |
| Trình bày một số thông tin cơ bản của người viết văn bản |  |  |
| **Nội dung tường trình** | Ghi rõ thời gian và địa điểm xảy ra sự việc |  |  |
| Xác định rõ tên của ( những) người có liên quan( nếu có) |  |  |
| Nêu rõ nguyên nhân và hậu quả của sự việc( nếu có) |  |  |
| Xác định rõ người chịu trách nhiệm( nếu có) và trách nhiệm của người viết đối với sự việc. |  |  |
| **Phần kết thúc** | Nêu rõ ( những) đề nghị (nếu cần thiết) |  |  |
| Nêu rõ lời cam đoan/ lời hứa |  |  |
| Có chữ ký và họ tên của người viết |  |  |

**V. Hướng dẫn tự học:**

**1.Bài vừa học:**

- Nắm được khái niệm kiểu văn bản tường trình

- Biết viết văn bản tường trình

1. **Bài sắp học:** **Nói và nghe: Trao đổi một cách xây dựng, tôn trọng ý kiến khác biệt**

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

Ngày soạn : **C. DẠY NÓI VÀ NGHE**

Ngày dạy: **Tiết 1****12: TRAO ĐỔI MỘT CÁCH XÂY DỰNG, TÔN**

**TRỌNG Ý KIẾN KHÁC BIỆT**

**1. Hoạt động 1: Mở đầu**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **GV Chuyển giao nhiệm vụ**  - Gv đưa ra vấn đề thảo luận cho cả lớp.  - Gv tổ chức trò chơi “Gặp gỡ”:  *GV phát cho HS Chiếc đồng hồ in trên giấy. GV hướng dẫn HS tham gia trò chơi: Mỗi HS sẽ hẹn gặp với những HS khác ở những múi giờ khác nhau để tra đổi những thông tin, ý kiến của nhau về vấn đề mà giáo viên đưa ra. Những bạn đã tham gia hẹn hò ở múi giờ nhất định rồi thì không tham gia hẹn hò với bạn khác ở múi giờ đó nữa. Sau 2 phút, Bạn nào gặp gỡ nhiều bạn nhất thì sẽ chiến thắng. HS chiến thắng sẽ lên trình bày những ý kiến mà mình đã thu thập được. Hoặc GV có thể gọi ngẫu nhiên.*  **\*HS thực hiện nhiệm vụ**  - HS tham gia trò chơi.  - GV quan sát, lắng nghe.  **\* Báo cáo thảo luận**  - HS  lên trình bày những ý kiến mà mình đã thu thập được.  **\* Kết luận, nhận định**  - GV lắng nghe, tiếp thu cảm nhận của hs và dẫn dắt vào bài mới.  *Trò chơi “Gặp gỡ” đã giúp các em biết thêm những ý kiến khác nhau trong cùng một vấn đề, trao đổi một cách xây dựng và học cách tôn trọng ý kiến của người khác. Chúng ta cùng đi vào bài học hôm nay.* | Hs lắng nhe, quan sát và chơi trò chơi. |

**2. Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **NV1: Tìm hiểu bước 1: Chuẩn bị**  **GV Chuyển giao nhiệm vụ**  ? Chủ đề chúng ta thảo luận là gì?  ? Theo em, để thực hiện thảo luận, chúng ta có mấy bước?  ? Ở bước Chuẩn bị có mấy nội dung cần chú ý?  ? Để tiến hành chuẩn bị nội dung trao đổi, Gv sử dụng kĩ thuật khăn trải bản, chia lớp thành 4 nhóm, hoàn thiện **PHT số 1** và sưu tầm các hình ảnh, câu chuyện liên quan đến lợi ích và tác hại của trò chơi điện tử. Nhóm nào tìm được nhiều nhất sẽ có điểm cộng.  ? Dựa vào SGK, nêu một vài lưu ý trong cách chúng ta tham gia thảo luận (về thái độ, mục đích, quy tắc lượt lời….).  - HS thực hiện nhiệm vụ  **HS Thực hiện nhiệm vụ**  - Gv quan sát, gợi mở, hỗ trợ  - Hs suy nghĩ, thảo luận, bổ sung, phản biện  **\* Báo cáo thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm  - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **\* Đánh giá , nhận định**  - GV nhận xét quá trình tương tác, thảo luận.  - Chốt kiến thức, chuyển dẫn sang mục sau.  **NV2: Tìm hiểu bước 2: Trao đổi**  **GV Chuyển giao nhiệm vụ**  ? Trong bước 2 có mấy nội dung cần quan tâm?  ? Để tiến hành ***trình bày ý kiến*** của bản thân, Gv sử dụng kĩ thuật *Think-pair-share* và phát **PHT số 2** cho 4 nhóm đã chia.  Yêu cầu vận dụng những kiến thức đã nêu ở PHT số 1 để hoàn thiện các mẫu câu trong PHT số 2. Nhóm nào hoàn thiện được nhiều câu nhất sẽ có điểm cộng.  - Để giúp hs biết cách ***Tiếp nhận và phản hồi ý kiến của người khác, bảo vệ ý kiến của mình*** trong quá trình thảo luận, Gv phát **PHT số 3** cho 4 nhóm để các em vận dụng.  - HS thực hiện nhiệm vụ  **HS Thực hiện nhiệm vụ**  - Gv quan sát, gợi mở, hỗ trợ  - Hs suy nghĩ, thảo luận, bổ sung, phản biện  **\*Báo cáo thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm  - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **\*Đánh giá , nhận định**  - GV nhận xét quá trình tương tác, thảo luận.  - Chốt kiến thức, chuyển dẫn sang mục sau. | **I.Chuẩn bị**  - Chủ đề: Trong lớp em, có bạn cho rằng trò chơi điện tử có nhiều tác hại, nhưng cũng có bạn khẳng định nó vẫn có những lợi ích nhất định.  - Có 2 bước.  - Bước 1: Chuẩn bị:     |  |  | | --- | --- | | **Bước 1: Chuẩn bị** | | | Chuẩn bị nội dung trao đổi | - Lợi ích của các trò chơi điện tử.  - Tác hại của các trò chơi điện tử.  - Hình ảnh, câu chuyện minh họa | | Chuẩn bị cách trao đổi | - Mục đích  - Thái độ  - Quy tắc lượt lời  ……………………….. |   **II.Trao đổi**  - Trình bày ý kiến  - Tiếp nhận và phản hồi ý kiến của người khác, bảo vệ ý kiến của mình |
| |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | **PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1** | | | | | **Ích lợi của trò chơi điện tử** | | **Tác hại của trò chơi điện tử** | | | Ích lợi thứ nhất:  ………................................................................................................................................................................... | Lí lẽ bằng chứng:  ……….................................................................................................................................................................. | Tác hại thứ nhất:  ……….................................................................................................................................................................. | Lí lẽ bằng chứng:  ……….................................................................................................................................................................. | | Ích lợi thứ hai:  ………................................................................................................................................................................... | Lí lẽ bằng chứng:  ……….................................................................................................................................................................. | Tác hại thứ hai:  ……….................................................................................................................................................................. | Lí lẽ bằng chứng:  ……….................................................................................................................................................................. |  |  | | --- | | **PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2**  **Lợi ích của trò chơi điện tử:**  - *Lợi ích đầu tiên theo tôi là…* ………………………………………………………….............................................  - *Tôi cho rằng lợi ích lớn nhất của trò chơi điện tử là...* ………………………………………………………….............................................*Bởi vì..........................................................................................................................*  - *Một lợi ích khác của trò chơi điện tử là...........................................................................*…………………………………  *Sở dĩ tôi cho là như vậy vì................................................................................................................................* | | **Tác hại của trò chơi điện tử:**  - *Bên cạnh những lợi ích nêu trên, tôi nhận thấy, tác hại lớn nhất của trò chơi điện tử là..............*  *Điều này được thể hiện rõ ràng bằng những hình ảnh/ số liệu sau...............................*  - *Một tác hại khác là...........................................................................................*  - ... |  |  | | --- | | **PHIẾU HỌC TẬP SỐ 3**  Đặt câu hỏi về những điều em chưa rõ liên quan đến ý kiến hoặc câu hỏi của người khác bằng những mẫu câu như:  - *Bạn có thể nhắc lại câu hỏi/ ý kiến được không?*  *- Có phải của bạn là...?* | | Sử dụng những mẫu câu sau để trao đổi lại ý kiến của bạn:  *- Cảm ơn câu hỏi của bạn,* *của tôi là......................................;*  *- Cảm ơn bạn đã cho tôi thêm một cách nhìn vấn đề, tôi sẽ suy nghĩ thêm về ý kiến của bạn;*  *- Tôi sẽ giải thích rõ quan điểm của tôi........................; Sở dĩ tôi nói như vậy là vì...............................* | | |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **GV Chuyển giao nhiệm vụ**  - Gv mời các hs nêu các lợi ích và tác hại của các trò chơi điện tử theo các mẫu câu trong PHT số 1.  - Gv mời các hs khác lên trao đổi theo mẫu câu ở PHT số 2, số 3.  - HS thực hiện nhiệm vụ  **HS Thực hiện nhiệm vụ**  - Gv quan sát, gợi mở, hỗ trợ  - Hs suy nghĩ, thảo luận, bổ sung, phản biện  **\* Báo cáo thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận  - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  - Gv phát bảng kiểm để hs đánh giá, nhận xét.  **Bảng kiểm**   |  |  |  | | --- | --- | --- | | PHIẾU HỌC TẬP SỐ 4 |  |  | | Nội dung kiểm tra | Đạt | Chưa đạt | | Thể hiện trực tiếp rõ ràng ý kiến vấn đề cần trao đổi |  |  | | Đưa ra được bằng chứng, lí lẽ thuyết phục |  |  | | Sử dụng ngôn ngữ và cử chỉ hợp lí |  |  | | Nghiêm túc lắng nghe ý kiến của người khác |  |  | | Bảo vệ ý kiến của mình với thái độ xây dựng |  |  | | Tôn trọng các ý kiến khác biệt |  |  |   **\*Đánh giá , nhận định**  - GV nhận xét quá trình tương tác, thảo luận nhóm của học sinh  - Chốt kiến thức, chuyển dẫn sang mục sau. | **III. Thực hành trình bày**  - Phần trình bày: tiến hành thảo luận chủ đề: Trong lớp em, có bạn cho rằng trò chơi điện tử có nhiều tác hại, nhưng cũng có bạn khẳng định nó vẫn có những lợi ích nhất định. |

**3. Hoạt động 3: Luyện tập**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **GV Chuyển giao nhiệm vụ**  Gv chia lớp làm 4 nhóm thực hiện nhiệm vụ chung: thảo luận chủ đề: Mạng xã hội đối với học sinh hiện nay?  ? ....  - HS suy nghĩ và tiến hành thảo luận  **HS Thực hiện nhiệm vụ**  - Gv quan sát, gợi mở, hỗ trợ  - Hs suy nghĩ, thảo luận, bổ sung, phản biện  **\* Báo cáo kết thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận  - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **\* Đánh giá , nhận định**  - GV nhận xét quá trình tương tác, thảo luận nhóm của học sinh  - Chốt kiến thức. | - Cả lớp tiến hành thảo luận |

**\* Hoạt động 4: Vận dụng**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Sản phẩm dự kiến** |
| *- GV yêu cầu HS:* HS tham khảo bài của các nhóm khác để có thêm hiểu biết.  *- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.* | - SP của học sinh |

**V. Hướng dẫn tự học:**

**1. Bài vừa học:** Hs biết các bước khi trao đổi ý kiến và tôn trọng ý kiến khác biệt khi thảo luận

***2.Bài sắp học: Ôn tập***

***-Đọc và trả lời câu hỏi sgk/65***

**\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\***

Ngày soạn:

Ngày dạy:  **Tiết 113: ÔN TẬP**

**1. Hoạt động 1: Mở đầu**

**a. Mục tiêu:** Tạo hứng thú, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS kết nối với kiến thức đã học, khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

**b. Nội dung:** HS huy động tri thức đã có để trả lời câu hỏi và củng cố bài học.

**c. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **GV Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV tổ chức trò chơi ***Nhìn hình đoán tên văn bản***:  C:\Users\Admin\Desktop\anh 3.pngC:\Users\Admin\Desktop\anh 5.png  C:\Users\Admin\Desktop\anh 6.png  - Gv yêu cầu hs quan sát những bức tranh trên và cho biết bức tranh đó liên quan tới văn bản nào đã học? Những văn bản đó thuộc kiểu văn bản gì?  - Hs tiếp nhận nhiệm vụ, tham gia trò chơi.  - Gv kết luận, dẫn vào bài học. | Hs tiếp nhận nhiệm vụ, tham gia trò chơi. |

**2. Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới**

**a) Mục tiêu:** HS nắm được nội dung của các văn bản đã học.

**b) Nội dung:** GV trình bày vấn đề

**c) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **Nhiệm vụ 1: Củng cố tri thức về năng lực đọc**  **GV Chuyển giao nhiệm vụ**  - Chia lớp thành 4 nhóm, thực hiện các bài tập 1, 2, 3 trong SGK/65.  - Nhóm 1,2 làm BT số 1  - Nhóm 3 làm BT số 2  - Nhóm 4 làm BT số 3  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  ***HS Thực hiện nhiệm vụ***  - HS thực hiện nhiệm vụ.  - GV quan sát, hỗ trợ.  ***\*Báo cáo kết quả và thảo luận***  - HS báo cáo kết quả;  - GV gọi nhóm khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của các nhóm.  ***\* GV Kết luận, nhận định***  - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức.  **Nhiệm vụ 2: Củng cố tri thức năng lực viết, nói, nghe**  ***\* GV Chuyển giao nhiệm vụ***  - GV tổ chức cho HS thảo luận chia sẻ nhóm đôi.  *? Văn bản tường trình có những đặc điểm gì về cấu trúc và nội dung?*  *? Vì sao khi trao đổi, tranh luận với người khác, chúng ta cần có thái độ xây dựng và tôn trọng những ý kiến khác biệt?*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  ***\*HS Thực hiện nhiệm vụ***  - HS thực hiện nhiệm vụ.  - GV quan sát, hỗ trợ.  ***\* Báo cáo kết quả và thảo luận***  - HS báo cáo kết quả  - GV gọi nhóm khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của các nhóm.  ***\* Kết luận, nhận định***  - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức.  **Nhiệm vụ 3: Ôn tập tổng quát**  ***\*GV Chuyển giao nhiệm vụ***  - GV nêu yêu cầu: *Làm thế nào để những nét đẹp văn hóa của cha ông được lan tỏa trong cuộc sống hôm nay?*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  ***\*HS Thực hiện nhiệm vụ***  - HS suy nghĩ trả lời  - GV quan sát, hỗ trợ.  ***\*Báo cáo kết quả và thảo luận***  - HS báo cáo kết quả  - GV gọi hs khác nhận xét, bổ sung  ***\*GV Kết luận, nhận định***  - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức. | **I.Củng cố tri thức về năng lực đọc**  **Bài tập 1:**   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Văn bản**  **Phương**  **diện so sánh** | **Trò chơi cướp cờ** | **Cách gọt củ hoa thủy tiên** | | Những điểm giống nhau (nội dung, đặc điểm, hình thức...) | là kiểu văn bản thông tin, có các bước, kiến thức khoa học. | là kiểu văn bản thông tin, có các bước, kiến thức khoa học. | | Những điểm khác nhau (nội dung, đặc điểm, hình thức ...) | Hướng dẫn một trò chơi. | Hướng dẫn cách chăm sóc hoa. |   **Bài tập 2:**  - Không thể lược bỏ đi từ “vài” vì sẽ làm thay đổi ý nghĩa của câu văn.  - Trong ngôn ngữ học, số từ là những từ loại dùng để chỉ số lượng và thứ tự của sự vật nào đó. Chức năng chủ yếu của số từ làm thành tố phụ cho một cụm từ có danh từ làm trung tâm.  **Bài tập 3:**  - Lưu ý đọc và nắm các thông tin theo quy trình.  - Đọc khoa học và liên kết các phần với nhau để hiểu quy trình hay luật lệ.  **II. Củng cố tri thức năng lực viết, nói, nghe**  **Câu 4:**  a. Tường trình là kiểu văn bản thông tin, trình bày tường tận, rõ ràng, đầy đủ về diễn biến của một sự việc “đã gây hậu quả và có liên quan đến người viết”, trong đó nêu rõ mức độ thiệt hại (nếu có) và xác định trách nhiệm của người viết đối với sự việc.  b. Về nội dung, văn bản cần đảm bảo những yêu cầu sau:  - Cung cấp đầy đủ, chính xác những thông tin về thời gian địa điểm, sự việc, họ tên những người có liên quan, đề nghị của người viết, người gửi, người nhận và ngày tháng, địa điểm viết tường trình.  - Nội dung sự việc được tường trình phải đảm bảo chính xác, đúng với thực tế diễn ra.  - Xác định trách nhiệm của người viết đối với sự việc đã xảy ra: gốm một số trường hợp sau:  - Nếu người viết trực tiếp tham gia vào sự việc thì cần trình bày rõ trách nhiệm của người viết đối với những gì đã diễn ra.  - Nếu người viết chỉ chứng kiến sự việc thì cần nêu rõ trách nhiệm của người viết là chứng kiến và ghi lại trung thực tất cả những gì đã diễn ra.  **Câu 5:**  Vì mỗi sự việc có thể nhìn nhận dưới góc nhìn đa chiều khác biệt nên thái độ xây dựng và tôn trọng điều khác biệt là việc cần thiết trong trao đổi và thảo luận.  **III**. **Ôn tập tổng quát**  - Giữ gìn và tôn trọng nét văn hóa  - Đưa những nét văn hóa vào cuộc sống thường ngày. |

**3. Hoạt động 3: Luyện tập**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Sản phẩm dự kiến** |
| ***GV Chuyển giao nhiệm vụ:*** Giáo viên giao bài tập cho HS.  *Tập làm hoạ sĩ: Vẽ các bức tranh cổ động, tuyên truyền về giữ gìn nét đẹp văn hóa Việt.*  ***HS Thực hiện nhiệm vụ***  - HS đọc để xác định yêu cầu của bài tập.  - GV hướng dẫn HS cách làm.  **\* Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  - Hs nộp bài theo hướng dẫn của Gv.  **\* Nhận xét, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  GV nhận xét bài làm của HS. | HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS |

**4. Hoạt động 4: Vận dụng**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **\* GV chuyển giao nhiệm vụ**  - GV hướng dẫn HS đọc hiểu văn bản mẫu cùng thể loại để khắc sâu kiến thức.  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  \* HS thực hiện nhiệm vụ học tập  - HS đọc văn bản  **\* Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS tương tác, nhận xét, đặt câu hỏi.  **\* Nhận xét, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức | HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS |

**V. Hướng dẫn tự học:**

**1. Bài vừa học:**

Nắm nội dung đã ôn tập.

**2.Bài sắp học:** **Bài 9: TRONG THẾ GIỚI VIỄN TƯỞNG**

+ Đọc văn bản “Dòng sông đen”

+ Tìm hiểu văn bản qua hệ thống câu hỏi “Suy ngẫm và phản hồi”. sgk/67,68…

**\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\***